

# CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN



## NĂM 2018

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2018



# NỘI DUNG

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

**06**

### **GIỚI THIỆU CÔNG TY**

---

- 07 Thông tin khái quát
- 08 Lĩnh vực hoạt động
- 09 Lịch sử hình thành và phát triển
- 15 Mô hình quản trị và Sơ đồ tổ chức
- 17 Rủi ro
- 19 Mục tiêu và định hướng phát triển

**21**

### **TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM**

---

- 22 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 23 Tổ chức và nhân sự
- 39 Tình hình tài chính
- 40 Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án
- 43 Thông tin cổ phiếu và cổ đông RTB

**45**

### **BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC**

---

- 46 Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh
- 49 Tình hình tài chính
- 50 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý
- 54 Kế hoạch phát triển tương lai

**55**

### **BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

---

- 56 Đánh giá các mặt hoạt động của công ty
- 58 Đánh giá hoạt động của Ban giám đốc
- 58 Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

### **61 QUẢN TRỊ CÔNG TY**

---

### **72 QUAN HỆ CỔ ĐÔNG**

---

### **75 BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2018**

---



## THÔNGIỆP TỪ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Kinh tế thế giới duy trì đà tăng trưởng tốt trong nửa đầu năm 2018, sau đó đã xuất hiện những diễn biến mới khiến tình hình trở nên phức tạp hơn, mối quan hệ căng thẳng giữa các nước lớn, đặc biệt là cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung đang có dấu hiệu leo thang, ảnh hưởng tới tăng trưởng kinh tế toàn cầu. Nhìn chung, mức độ tăng trưởng vẫn còn mạnh mẽ ở các nền kinh tế phát triển, nhưng đã chậm lại ở nhiều nước. Bên cạnh những thuận lợi thì kinh tế vĩ mô còn tiềm ẩn nhiều rủi ro, sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp tiếp tục bị ảnh hưởng mạnh do chi phí đầu vào tăng cao, thị trường thu hẹp, hàng tồn kho lớn, lãi suất cao gây khó khăn cho sản xuất của doanh nghiệp.

Công ty hoạt động từng bước ổn định dưới hình thức Công ty Cổ phần, đã mang lại hiệu quả do cơ cấu bộ máy được tinh giản, sắp xếp lại lao động, đời sống cán bộ công nhân viên và người lao động được ổn định, an sinh xã hội trên địa bàn địa phương được duy trì tốt trong năm 2018. Là một trong các đơn vị hoàn thành tốt kế hoạch của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.

Để đạt được kết quả trên là nhờ Công ty có tập thể Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc điều hành và cán bộ công nhân viên chung sức, quyết tâm vượt qua mọi khó khăn, thử thách để tiếp tục xây dựng RTB ngày càng lớn mạnh và vững bước trên con đường phát triển của mình.

Năm 2018, với sự nỗ lực, quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân cả nước, tình hình kinh tế - xã hội nước ta tiếp tục đà chuyển biến tích cực, nhất là việc



thực hiện thành công "mục tiêu kép" vừa giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, vừa thúc đẩy tăng trưởng GDP. Việc thực hiện thành công mục tiêu kép đã tạo thêm dư địa để thực hiện tốt hơn các nhiệm vụ kinh tế - xã hội trong các năm tiếp theo. Tuy vậy, năm 2019 được dự báo sẽ có rất nhiều khó khăn, diễn biến khó lường đối với nền kinh tế, và cũng là thách thức cho các doanh nghiệp.

Lãnh đạo Công ty CP Cao su Tân Biên luôn ý thức được sự khó khăn ở phía trước, tập thể Hội đồng quản trị vẫn tin tưởng với chiến lược phát triển dài hạn của Công ty cũng như chính sách trọng tâm về kinh doanh sẽ mang lại những kết quả tốt đẹp cho Công ty trong năm 2019 và tương lai. Hội đồng quản trị xin trân trọng cảm ơn sự tin nhiệm và ủng hộ của Quý cổ đông, toàn thể cán bộ công nhân viên và người lao động, xin hứa với quyết tâm cao nhất để hoàn thành tốt hơn nữa kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019, nâng thương hiệu của RTB lên một tầm cao mới, khẳng định sự phát triển bền vững của ngành cao su Việt Nam nói chung và của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên nói riêng.

Trân trọng kính chào.







## I. GIỚI THIỆU

---

- ❖ Thông tin khái quát
  - ❖ Lĩnh vực hoạt động
  - ❖ Lịch sử hình thành và phát triển
  - ❖ Mô hình quản trị và Sơ đồ tổ chức
  - ❖ Rủi ro
  - ❖ Mục tiêu và định hướng tương lai
-

## THÔNG TIN KHÁI QUÁT

<b>Tên công ty</b>	: <b>CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN</b>
<b>Tên tiếng anh</b>	: <b>TANBIEN RUBBER JOINT STOCK COMPANY</b>
<b>Logo</b>	
<b>Vốn điều lệ</b>	: 879.450.000.000 đồng <i>(Tám trăm bảy mươi chín tỷ, bốn trăm năm mươi triệu đồng)</i>
<b>Mã cổ phiếu</b>	: RTB
<b>Trụ sở chính</b>	: Tổ 2, ấp Thạnh Phú – xã Tân Hiệp – huyện Tân Châu – tỉnh Tây Ninh
<b>Điện thoại</b>	: 0276.3875193 – 3875266
<b>Fax</b>	: 0276.3875307
<b>Email</b>	: <a href="mailto:tabiruco@tabiruco.vn">tabiruco@tabiruco.vn</a>
<b>Website</b>	: <a href="http://www.tabiruco.vn">www.tabiruco.vn</a>
<b>Giấy chứng nhận ĐKKD</b>	: Giấy chứng nhận ĐKKD: 3900242832 do Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp thay đổi lần thứ 7 ngày 29/04/2016



## LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

STT	Ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Trồng cây cao su	0125(Chính)
2	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh Chi tiết: Sản xuất cao su thiên nhiên	2013
3	Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ	2012
4	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp Chi tiết: cây cao su giống	0130
5	Buôn bán nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: bán buôn cây giống cao su	4620
6	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
7	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
8	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế	4663
9	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: sản xuất nước uống tinh khiết đóng chai	1104
10	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
11	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: sản xuất vật tư khai thác cao su	2599
12	Sản xuất sản phẩm từ plastic Chi tiết: sản xuất chai nhựa PET	2220
13	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: bán buôn cao su, sản phẩm bao bì và các sản phẩm khác từ plastic	4669
14	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
15	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932



## LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

**1985** Công ty bắt đầu thành lập từ ngày 20/12/1985 trên cơ sở sáp nhập giữa Công ty Cao su Bắc Tây Ninh - thuộc UBND Tỉnh Tây Ninh- và Công ty Cao su Thiện Ngôn - thuộc Tổng Cục Cao su Việt Nam, với diện tích 6,151 Ha.

**2009** Công ty Cao su Tân Biên được chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên theo quyết định số 340/QĐ – HĐQTCSVN ngày 24/12/2009, về việc phê duyệt phương án chuyển đổi Công ty Cao su Tân Biên thành Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên.

**2016** Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam đã ban hành Quyết định số 15A/QĐ-HĐTVCSVN ngày 15/01/2016 Về việc phê duyệt Phương án Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên.

Ngày 11/03/2016, Công ty đã Tổ chức bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh;

Ngày 21/4/2016 Công ty đã tổ chức Họp Đại hội đồng Cổ đông lần đầu Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên, tại Đại hội đã Thông qua Điều lệ Tổ chức và hoạt động, bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty.

Ngày 29/4/2016 Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, Mã số doanh nghiệp 3900242832. Hoạt động với hình thức Công ty Cổ phần kể từ ngày 01/5/2016. Vốn điều lệ là 879.450 triệu đồng.

Ngày 07/11/2016 Cổ phiếu RTB của Công ty được giao dịch phiên đầu tiên trên thị trường Upcom tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX); Giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên là: 18.700 đồng/cổ phiếu.



## Những giải thưởng tiêu biểu





## Sản phẩm tiêu biểu



CAO SU SVR 3L



CAO SU SVR 5



CAO SU SVR 10



CAO SU SVR 20



CAO SU SVR CV50



CAO SU SVR CV60



PHÔI CHAI PET



CHAI PET

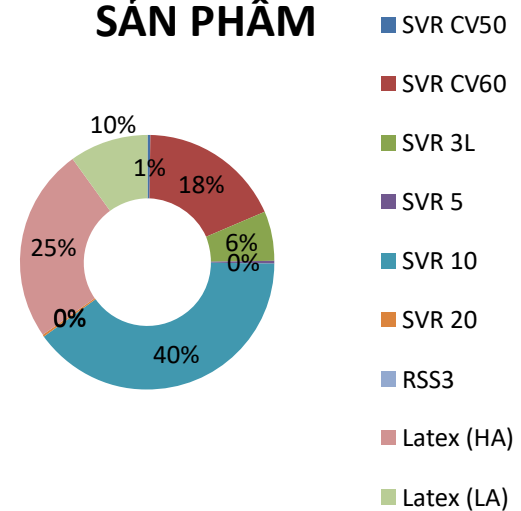
CAO SU LY TÂM (HA)



CAO SU LY TÂM (LA)



### CƠ CẤU SẢN LƯỢNG CAO SU CHẾ BIẾN THEO SẢN PHẨM



NƯỚC UỐNG ĐÓNG CHAI

## NHỮNG GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU





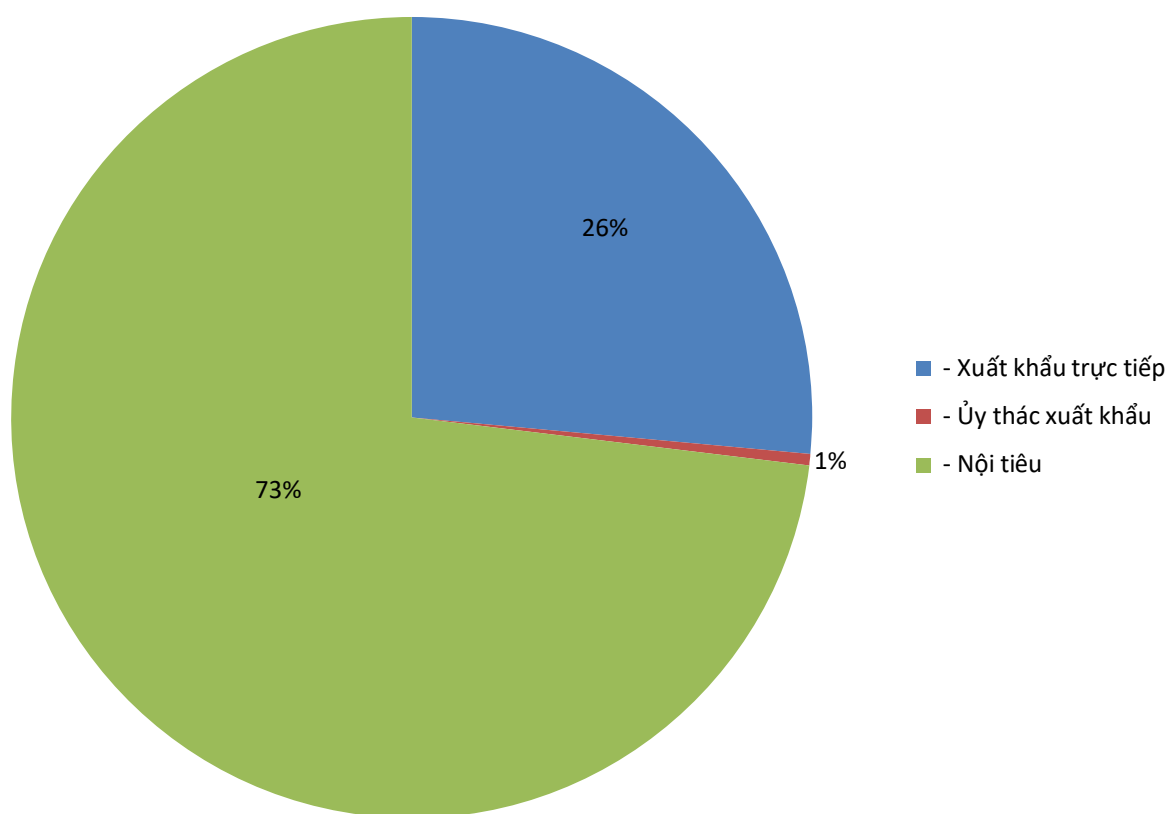




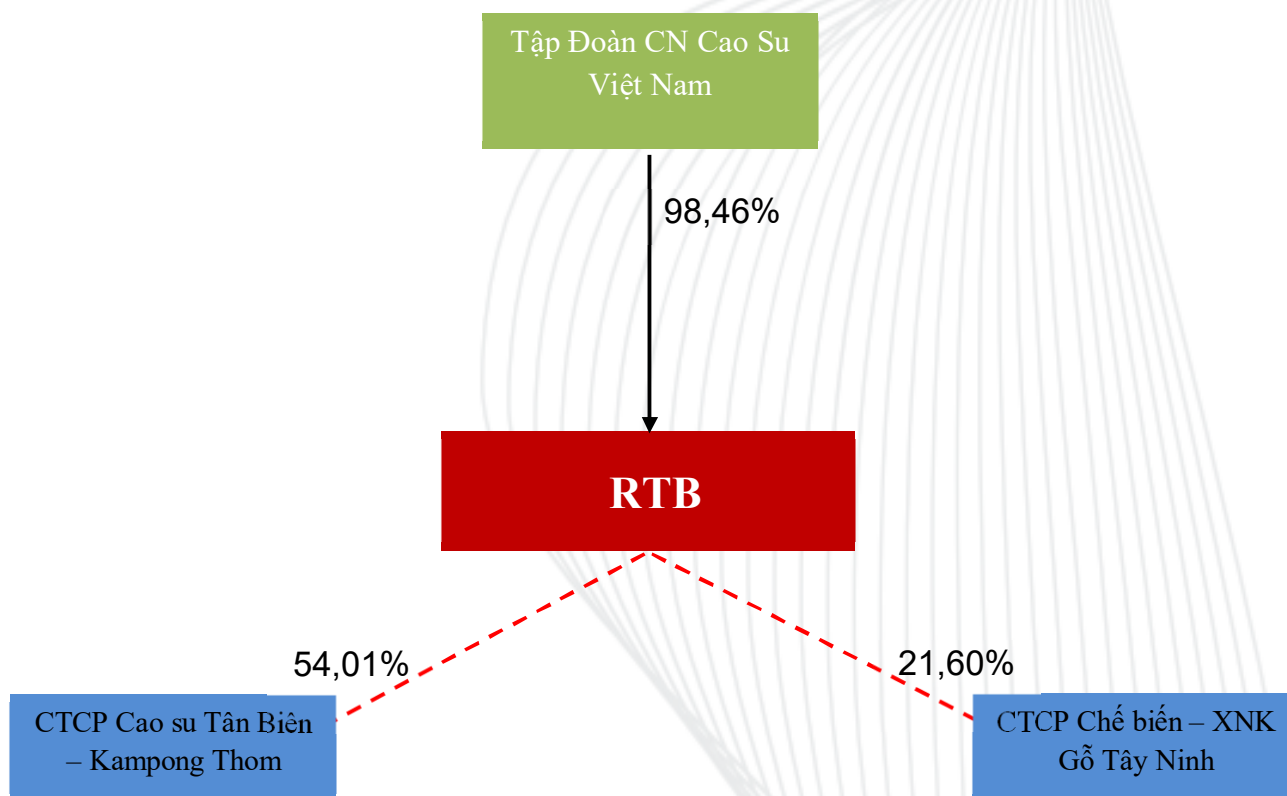
## Cơ cấu doanh thu

Kênh tiêu thụ	Năm 2017		Năm 2018	
	Sản lượng (tấn)	Giá trị (tr.đồng)	Sản lượng (tấn)	Giá trị (tr.đồng)
Cao su tự khai thác	7.857	318.730	7.320	242.644
Cao su thu mua	1320	53.123	1.240	43.514
Cao su thương mại	1089	39.305	4.499	153.945
Hoạt động thanh lý	507 ha	193.099	403 ha	227.579

### Tỷ trọng sản phẩm tiêu thụ



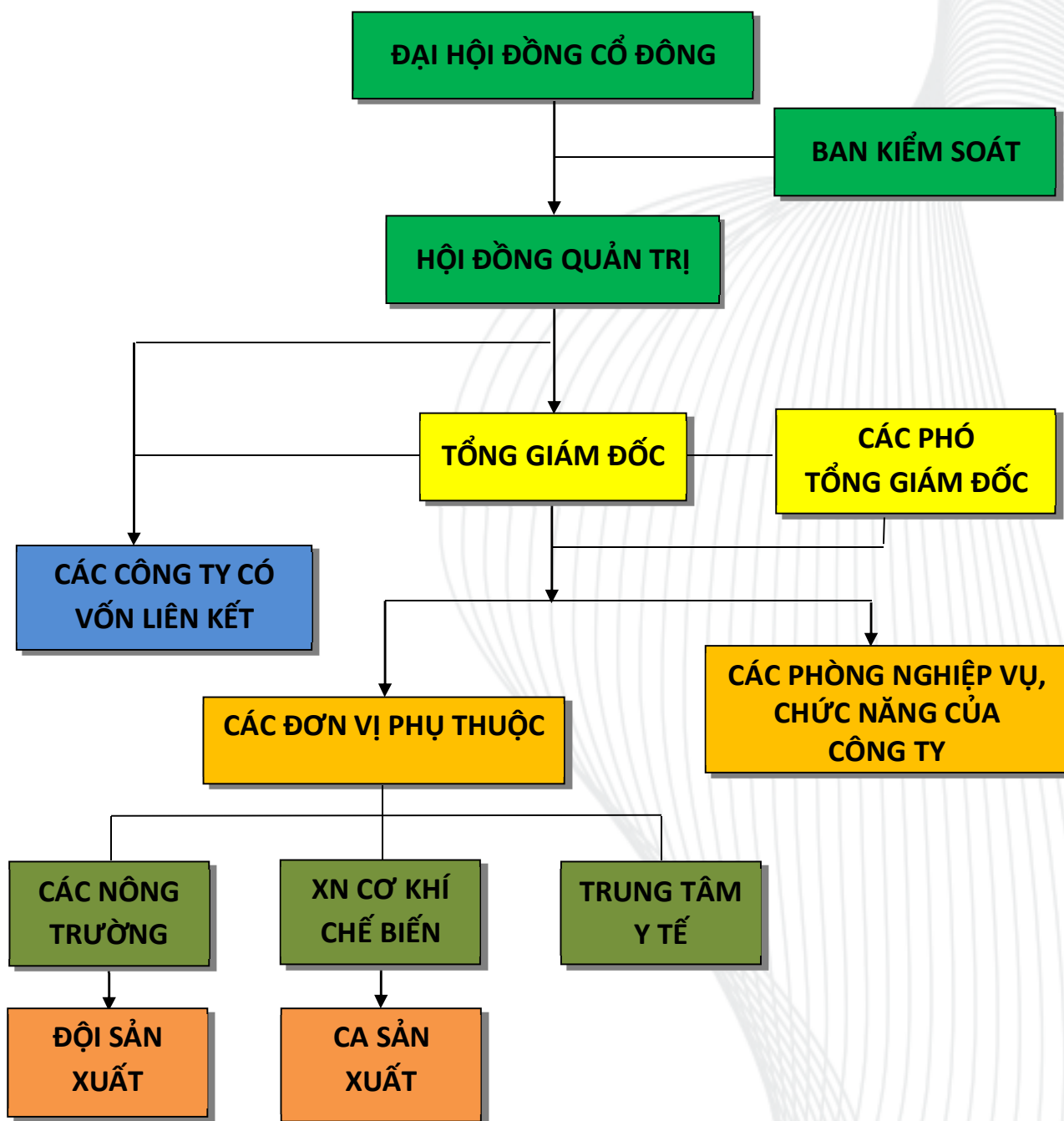
## Mô hình quản trị



- - - - - ▶ Công ty con, liên doanh, liên kết

————▶ Tổ chức/Cá nhân sở hữu RTB

## Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý





## RỦI RO

### Rủi ro về thị trường

Suy thoái kinh tế thế giới kéo dài. Lạm phát, giá cả ảnh hưởng tiêu cực đến chi phí sản xuất và đời sống người lao động. Một khi kinh tế tăng trưởng chậm sẽ ảnh hưởng đến nhu cầu của các sản phẩm của công ty, đặc biệt là mảng kinh doanh xuất khẩu.

Ngoài ra, những biến động về giá cả là yếu tố then chốt tác động đến hiệu quả kinh doanh của công ty. Hiện nay, nước ta vẫn phụ thuộc khá nhiều vào biến động giá cao su thế giới, mức độ chủ động về giá còn thấp. Kèm theo đó là khả năng dự báo giá vẫn còn hạn chế. Vì vậy, những biến động giá cao su trên thị trường sẽ là rủi ro không nhỏ đối với các doanh nghiệp cao su nói chung và CTCP Cao su Tân Biên nói riêng.

### Rủi ro về tỷ giá

Là doanh nghiệp kinh doanh cao su, với định hướng xuất khẩu chiếm khoảng 30% tổng doanh thu hàng năm của công ty vì vậy biến động tỷ giá VND so với các đồng ngoại tệ khác, đặc biệt là USD là yếu tố quan trọng tác động đến hiệu quả kinh doanh của công ty.

### Rủi ro tín dụng

Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác)

- Phải thu khách hàng: Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định
- Tiền gửi ngân hàng: Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín của Việt Nam, Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp



### Rủi ro về lãi suất

Trong bối cảnh lãi suất ngân hàng chưa ổn định thì rủi ro này vẫn còn là một vấn đề đáng quan tâm. Vì vậy Công ty đã chủ động các phương án dự phòng để hạn chế thấp nhất rủi ro do biến động lãi suất. Đồng thời, công ty cũng tích cực tìm kiếm các nguồn vay với lãi suất ưu đãi, điều chỉnh cơ cấu vốn phù hợp.

### Rủi ro dịch bệnh, thời tiết

Cao su là cây lâu năm, năng suất cao hay thấp, cây tăng trưởng tốt hay không tốt phụ thuộc rất nhiều vào công tác chăm sóc và trồng trọt. Tuy nhiên một mối hiểm nguy cho vườn cây cao su đó là nạn dịch bệnh và thời tiết mưa bão hàng năm. Việc kiểm soát tốt dịch bệnh sẽ giúp bảo vệ vườn cây phát triển ổn định tạo năng suất khai thác cao, giúp nâng cao hiệu quả kinh doanh cho công ty.

Ngoài ra, về yếu tố thời tiết thì nằm ngoài tầm kiểm soát của con người. Vì vậy, cần phải có những biện pháp phòng ngừa và đối phó kịp thời trước những diễn biến của thời tiết như: mưa, bão, lốc xoáy,... để làm sao hạn chế thấp nhất mức thiệt hại cho vườn cây khai thác. Để từ đó duy trì một vườn cây tốt và phát triển bền vững.

### Rủi ro dự án cao su tại Campuchia do Công ty Con làm chủ đầu tư

Bất đồng ngôn ngữ cũng như sự am hiểu về luật định, phong tục tập quán, thói quen làm việc của người Campuchia.

Lực lượng công nhân lao động người Campuchia thì không ổn định, biến động liên tục, nhất là sau mỗi đợt phát lương, Lễ hội, ...

Thời tiết không thuận lợi, địa hình đồi dốc làm ảnh hưởng đến công tác khai hoang trồng mới.





## Mục tiêu chung & Định hướng phát triển

- Phát triển ổn định, bền vững, định hướng phát triển lâu dài là ưu tiên hàng đầu.
- Ưu tiên hợp tác các dự án SX sản phẩm từ cao su, nhằm ngày càng hạn chế xuất bán cao su thô.
- Duy trì tình hình tài chính công khai, minh bạch, chính xác và đúng luật.
- Định hướng, đào tạo nhân sự mạnh, trung thành, năng động và hiệu quả phù hợp với văn hoá của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên.
- Tối đa hoá lợi ích cho Cổ đông, kết hợp với việc chăm sóc quyền lợi chính đáng cho Công nhân lao động.
- Phát triển thêm diện tích trồng cao su kết hợp với tìm kiếm thị trường và công nghệ SX cao su tiêu dùng, hạn chế dần việc xuất cao su thô.
- Tìm kiếm thị trường tiềm năng mới kết hợp với việc nâng cao chất lượng sản phẩm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao cho khách hàng.



## Chiến lược quản lý đảm bảo thực hiện hoàn thành chiến lược chung

- Tiếp tục phát huy các thành quả đã đạt được, khắc phục tồn tại của năm 2018.
- Giữ vững và nâng cao uy tín thương hiệu. Quan tâm không ngừng mở rộng thị trường, nghiên cứu phát triển sản phẩm mới theo xu hướng đa dạng hóa. Nâng dần tỷ trọng sản phẩm có giá trị kinh tế cao. Tiếp tục vận hành hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và hệ thống ISO 14001:2015.
- Nâng cao vai trò quản lý của Cán bộ các cấp, tiếp tục cải tiến các định mức kinh tế kỹ thuật.
- Triệt để thực hành tất cả các biện pháp tiết kiệm, chống lãng phí, nâng cao vai trò của lực lượng Bảo vệ, phối hợp tốt với chính quyền địa phương để hạn chế các hiện tượng tiêu cực.
- Đổi mới quản lý. Thường xuyên đào tạo và bồi dưỡng năng lực cán bộ các cấp nhằm đáp ứng với yêu cầu trong tình hình mới. Ứng dụng các tiến bộ công nghệ vào quản lý và sản xuất.
- Tăng cường công tác thu mua, gia công để bù đắp sản lượng giảm, đảm bảo công suất máy, và tăng thu nhập người lao động;
- Thực hiện đề án tái cơ cấu theo chủ trương và thỏa thuận của Tập Đoàn CN cao su VN trong đó chú trọng sắp xếp lại ngành nghề kinh doanh, sắp xếp lại các công ty con, công ty liên kết;
- Tăng cường đầu tư và hỗ trợ cho Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên – Kampong Thom thực hiện tốt việc đầu tư phát triển cao su tại Campuchia
- Tiếp tục tích cực chăm lo đến đời sống và điều kiện làm việc cho người lao động;
- Các tổ chức đoàn thể phân đấu cải tiến phương thức hoạt động , góp phần hỗ trợ







## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

---

- ❖ Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
  - ❖ Tổ chức và nhân sự
  - ❖ Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án
  - ❖ Tình hình tài chính
  - ❖ Thông tin cổ đông
-





## TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH

Chỉ tiêu công ty mẹ	Đvt	Thực hiện 2017	Thực hiện Năm 2018	% KH Năm 2018
Diện tích khai thác	Ha	4.322	3.883	101%
Sản lượng khai thác	Tấn	8.249	7.220	101%
Năng suất khai thác	Tấn/ha	1,91	1,86	100%
Sản lượng tiêu thụ	Tấn	10.266	13.059	112%
Tổng doanh thu	Tr đồng	623.574	690.954	117%
Lợi nhuận trước thuế	Tr đồng	275.465	268.171	121%

Năm 2018 Công ty đạt sản lượng khai thác 7.220 tấn vượt 1% so với kế hoạch năm 2018. Sản lượng tiêu thụ nội địa đạt 9.544 tấn vượt 0,5% so với kế hoạch. Sản lượng xuất khẩu được 3.516 tấn, vượt 60% so với kế hoạch, 98% xuất khẩu trực tiếp.

Bên cạnh đó nhờ hoạt động thanh lý vườn cây giúp mang về doanh thu hơn 227,5 tỷ đồng và đóng góp thêm 227,2 tỷ đồng lợi nhuận khác cho công ty năm vừa qua. Kết thúc năm 2018, công ty mẹ đạt tổng lợi nhuận trước thuế là 268,171 tỷ đồng vượt 21% so với kế hoạch.

## TỔ CHỨC NHÂN SỰ

### Danh sách Ban điều hành

STT	Tên thành viên	Chức vụ	Tư cách thành viên
<b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>			
01	Trương Minh Trung	Chủ tịch HĐQT	Thành Viên Không Điều Hành
02	Trương Văn Cư	TV. HĐQT	Thành Viên Điều Hành
03	Đoàn Kim Chung	TV. HĐQT	Thành Viên Điều Hành
04	Lê Thị Bích Lợi	TV. HĐQT	Thành Viên Điều Hành
05	Đỗ Thành Nghiệp	TV. HĐQT	Thành Viên Không Điều Hành (Miễn nhiệm ngày 15/6/2018)
06	Dương Tấn Phong	TV. HĐQT	Thành Viên Không Điều Hành (Bổ nhiệm ngày 15/6/2018)
07	Bùi Thống Nhứt	Thư ký HĐQT	
<b>BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>			
01	Trương Văn Cư	Tổng Giám Đốc	Thành Viên Điều Hành
02	Đoàn Kim Chung	Phó Tổng Giám Đốc	Thành Viên Điều Hành
03	Lê Thị Bích Lợi	Phó Tổng Giám Đốc	Thành Viên Điều Hành
04	Trần Văn Toàn	Phó Tổng Giám Đốc	Thành Viên Điều Hành
<b>KẾ TOÁN TRƯỞNG</b>			
01	Lâm Thanh Phú	Kế toán trưởng	
<b>BAN KIỂM SOÁT</b>			
01	Nguyễn Văn Sang	Trưởng Ban	
02	Hoàng Quốc Hưng	Thành Viên	
03	Trần Nguyễn Duy Sinh	Thành Viên	





## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



**Ông Trương Minh Trung**  
Chủ tịch HĐQT



**Ông Trương Văn Cư**  
Tv. HĐQT kiêm TGD



**Bà Lê Thị Bích Lợi**  
Tv. HĐQT kiêm Phó TGD



**Ông Đoàn Kim Chung**  
Tv. HĐQT kiêm Phó TGD



**Ông Dương Tấn Phong**  
Tv. HĐQT (Bổ nhiệm ngày  
15/6/2018)



**Ông Đỗ Thành Nghiệp**  
Tv. HĐQT (Miễn nhiệm ngày  
15/6/2018)

## GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



### **Ông TRƯƠNG MINH TRUNG**

#### **Chủ tịch HĐQT**

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

**Năm sinh** : 02/12/1968

**CMND** : 024088283

**Quốc tịch** : Việt Nam

**Địa chỉ thường trú** : 225/23A Nguyễn Đình Chiểu, phường 05, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

#### **Quá trình công tác :**

Từ 11/1990-07/1998: Giảng viên khoa Công nghệ - Trường Đại học Cần Thơ

Từ 07/1998-05/2005: Chuyên viên Ban Quản lý kỹ thuật – Bộ phận cơ điện chế biến thuộc Tổng Công ty Cao su Việt Nam

Từ 05/2005-10/2010: Thư ký Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam; được bổ nhiệm làm Phó chánh văn phòng Tập đoàn năm 2010

Từ 10/2010-06/2012: Thư ký Tổng giám đốc – Phó chánh văn phòng Tập đoàn, Phó Bí thư Chi bộ văn phòng

Từ 07/2012-06/2017: Chánh văn phòng Tập đoàn CNCSVN

Từ 08/2014-đến nay: Chủ tịch HĐQT CT TNHH MTV CS Chư Sê

Từ 02/2015- đến nay: Chủ tịch Công đoàn cơ quan Tập đoàn

Từ 05/2015 đến nay: Bí thư Chi bộ Văn phòng Tập đoàn

Từ 06/2017 đến nay: Phó Tổng giám đốc Tập đoàn CNCSVN

Từ 11/2017 đến nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Cao su Tân Biên

**Cổ phiếu nắm giữ:** Cá nhân sở hữu 500 CP-Tỷ lệ: 0,0006%

Đại diện vốn nhà nước: 38.220.803 CP - Tỷ lệ: 43,46%

**Họ tên người liên quan:** Không có





**Ông TRƯƠNG VĂN CỬ**  
**TV.HĐQT kiêm Tổng Giám đốc**

**Trình độ chuyên môn :** Kỹ sư nông học, cử nhân báo chí

**Năm sinh** : 30/06/1968

**CMND** : 072068000008

**Quốc tịch** : Việt Nam

**Địa chỉ thường trú** : Ấp Bình Trung, xã Bình Minh, TP  
Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh

**Quá trình công tác :**

Từ 06/1991-08/1997: Nhân viên phòng Kỹ thuật Nông nghiệp –  
Công ty Cao su Tân Biên

Từ 08/1997-01/2004: Phó phòng Kỹ thuật nông nghiệp – Công  
ty Cao su Tân Biên

Từ 02/2004-12/2004: Giám đốc Nông trường Tân Hiệp – Công  
ty Cao su Tân Biên

Từ 12/2004-06/2010: Giám đốc Nhà máy chế biến – Công ty  
TNHH MTV Cao su Tân Biên

Từ 06/2010-08/2014: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Nhà  
máy chế biến – Công ty TNHH MTV Cao  
su Tân Biên

Từ 08/2014 – 08/2015: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc  
Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên

Từ 08/2015 – 04/2016: Thành viên HĐQT, Quyền Tổng Giám đốc  
Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên

Từ 05/2016 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên

**Cổ phiếu nắm giữ:** Cá nhân sở hữu 46.955 CP - Tỷ lệ: 0,053%

- Đại diện vốn nhà nước: 17.589.000 CP - Tỷ lệ: 20%

**Họ tên người liên quan:** - Trương Văn Dĩ – Em ruột - Số CP nắm  
giữ: 10.200 CP - Tỷ lệ: 0,012%.

- Trương Thị Kim Trang – Em ruột - Số CP nắm giữ: 3.000 CP - Tỷ  
lệ: 0,00341%.

- Lê Tấn Lợi – Em rể - Số CP nắm giữ: 2.900 CP - Tỷ lệ: 0,0033%.



**Ông ĐOÀN KIM CHUNG**  
**TV.HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc**

**Trình độ chuyên môn: Cử nhân luật**

**Năm sinh : 01/01/1961**

**CMND : 290505784**

**Quốc tịch : Việt Nam**

**Địa chỉ thường trú : Xã Tân Hiệp, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh**

**Quá trình công tác :**

Từ 03/1979-07/1979: Chiến sỹ huấn luyện tại C26 D7 Đoàn 403 Hải Quân V3 Đà Nẵng.

Từ 07/1979-07/1982: Học viên trường Kỹ thuật Hải Quân – Cát Lái TP.HCM

Từ 08/1982-10/1983: Học viên- Trường Kỹ thuật Hải Quân – UZMAUL – Liên Xô

Từ 11/1983-12/1987: Ngành trưởng pháo tàu, chuyên gia Hải Quân Campuchia-Căn cứ 505 vùng 5 Hải Quân – Đảng viên – Thượng úy

Từ 01/1988-04/1989: Cán bộ P.TCLĐ – Công ty cao su Tân Biên

Từ 05/1990-03/1991: Phó TP.TCLĐ – Công ty cao su Tân Biên

Từ 04/1991-12/2009: Trưởng P.TCLĐ – Công ty cao su Tân Biên

Từ 01/2010-06/2011: Chủ tịch Công đoàn Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên

Từ 06/2011-04/2016: Thành viên HĐQT; Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên

Từ 05/2016 - đến nay: Thành viên HĐQT; Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên

**Cổ phiếu nắm giữ:** Cá nhân sở hữu 3.700 CP - Tỷ lệ: 0,0042%; Đại diện vốn nhà nước: 13.191.750 CP - Tỷ lệ:15%; Đại diện vốn cho Công đoàn Công ty: 20.000 CP - Tỷ lệ:0,023%.

**Họ tên người liên quan:** - Phạm Thị Lài – Vợ - Số CP nắm giữ: 10.400 CP - Tỷ lệ: 0,012%.

- Đoàn Kim Quy – Con ruột - Số CP nắm giữ: 700 CP - Tỷ lệ: 0,0008%.

- Đoàn Hải Đăng – Con ruột - Số CP nắm giữ: 200 CP - Tỷ lệ: 0,0002%.

- Đoàn Văn Chuyên – Em ruột - Số CP nắm giữ: 2.800 CP - Tỷ lệ: 0,0032%.

- Dương Thị Lý – Em dâu - Số CP nắm giữ: 2.200 CP - Tỷ lệ: 0,0025%





**Bà LÊ THỊ BÍCH LỢI**  
**TV.HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc**

**Trình độ chuyên môn : Kỹ sư nông học**

**Năm sinh : 13/7/1968**

**CMND : 290627654**

**Quốc tịch : Việt Nam**

**Địa chỉ thường trú : Ấp Đông Lợi xã Tân Đông, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh**

**Quá trình công tác:**

Từ 06/1991-12/1996: Nhân viên phòng Nông nghiệp - Công ty Cao su Tân Biên

Từ 12/1996-09/2001: Phó giám đốc Nông trường cao su Bồ Túc - Công ty Cao su Tân Biên

Từ 09/2001-12/2009: Giám đốc Nông trường Cao su Bồ Túc - Công ty Cao su Tân Biên

Từ 01/2010-08/2014: Thành viên HĐQT – Giám đốc Nông trường Cao su Bồ Túc – Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên

Từ 08/2014-05/2016: Thành viên HĐQT – Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên

Từ 05/2016-đến nay: Thành viên HĐQT – Phó Tổng giám đốc CTCP Cao su Tân Biên

**Cổ phiếu nắm giữ:** Cá nhân sở hữu 2.900 CP - Tỷ lệ: 0,00033%

Đại diện vốn nhà nước: 13.191.750 CP - Tỷ lệ: 15%

**Họ tên người liên quan:** Không có



## **Ông ĐỖ THÀNH NGHIỆP**

**TV.HĐQT (Miễn nhiệm từ ngày 15/6/2018)**

**Trình độ chuyên môn : Cử nhân tài chính kế toán.**

**Năm sinh : 19/5/1965**

**CMND : 290461066**

**Quốc tịch : Việt Nam**

**Địa chỉ thường trú : Số 5, Võ Văn Truyen, KP. II, Phường II, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh**

### **Quá trình công tác:**

Từ 02/1983-04/1995: Chuyên viên văn phòng Thị ủy Tây Ninh  
Từ 05/1995-06/1996: Kế toán Công ty Dược phẩm Quận 5-TPHCM  
Từ 07/1996-08/1998: Kế toán Xí nghiệp xây dựng và thi công cơ giới thuộc Công ty Kỹ thuật xây dựng và vật liệu xây dựng  
Từ 09/1998-01/2001: Kế toán Công ty TNHH Hồng Long Quận 3-TPHCM  
Từ 02/2001-06/2001: Nhân viên P.KD Công ty Cao su Tân Biên  
Từ 07/2001-02/2003: Phó P.KD Công ty Cao su Tân Biên  
Từ 03/2003-12/2009: Phó Chủ tịch Công đoàn Công ty Cao su Tân Biên  
Từ 12/2009-10/2011: Kiểm soát viên chuyên trách Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên  
Từ 11/2011-04/2016: Chủ tịch Công đoàn Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên  
Từ 05/2016 – 09/2017: TV. HĐQT kiêm Chủ tịch Công đoàn CTCP Cao su Tân Biên  
Từ 09/2017 – 12/2017: TV. HĐQT kiêm Cán bộ Công đoàn CTCP Cao su Tân Biên  
Từ 01/2018 – 06/2018: TV.HĐQT kiêm Phó trưởng P.TTBV-QSĐV  
Từ 06/2018 đến nay: Phó trưởng P.TTBV-QSĐV

**Cổ phiếu nắm giữ:** Cá nhân sở hữu 2.900 CP - Tỷ lệ: 0,003%  
Đại diện vốn nhà nước: 4.417.250 CP - Tỷ lệ: 5,023%;

**Họ tên người liên quan:** Không có





## **Ông DƯƠNG TẤN PHONG**

**TV.HĐQT (Bổ nhiệm từ ngày 15/6/2018)**

**Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Nông học.**

**Năm sinh : 18/4/1968**

**CMND : 290370686**

**Quốc tịch : Việt Nam**

**Địa chỉ thường trú : Số 118, Huỳnh Tấn Phát, KP Hiệp Lễ,  
Phường Hiệp Ninh, Thành phố Tây Ninh,  
tỉnh Tây Ninh**

### **Quá trình công tác:**

Từ 06/1991-12/1991: Nhân viên P. KTNN, Công ty Cao su Tân Biên

Từ 12/1991-05/1992: Trợ lý kỹ thuật Nông trường Suối Ngô, Công ty Cao su Tân Biên

Từ 5/1992-6/1996: Nhân viên P. KTNN, Công ty Cao su Tân Biên

Từ 06/1996-12/2004: Phó giám đốc kỹ thuật Nông trường Xa Mát, Công ty Cao su Tân Biên

Từ 01/2005-3/2009: Trưởng phòng KTNN, Công ty Cao su Tân Biên.

Từ 03/2009-07/2011: Giám đốc – Bí thư chi bộ Nông trường Xa Mát, Công ty Cao su Tân Biên

Từ 08/2011 – 06/2018: Giám đốc – Bí thư chi bộ Nông trường Tân Hiệp, Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên (Nay là Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên)

Từ 06/2018 – đến nay: TV.HĐQT kiêm Giám đốc – Bí thư chi bộ Nông trường Tân Hiệp, Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên

**Cổ phiếu nắm giữ:** Cá nhân sở hữu 4.200 CP - Tỷ lệ: 0,0048%; Đại diện vốn nhà nước: 4.417.250 CP - Tỷ lệ: 5,023%.

**Họ tên người liên quan:** Không có

## GIỚI THIỆU BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



**Ông TRƯƠNG VĂN CƯ** (SYLL tương tự phần HĐQT)



**Ông ĐOÀN KIM CHUNG** (SYLL tương tự phần HĐQT)



**Bà LÊ THỊ BÍCH LỢI** (SYLL tương tự phần HĐQT)





## **Ông TRẦN VĂN TOÀN**

### **Phó Tổng Giám đốc**

**Trình độ chuyên môn :** Cử nhân kinh tế

**Năm sinh :** 26/02/1966

**CMND :** 290641959

**Quốc tịch :** Việt Nam

**Địa chỉ thường trú :** Xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

### **Quá trình công tác :**

Từ 06/1991-12/1998: Nhân viên Phòng KHĐT và phòng Kinh doanh Công ty Cao su Tân Biên

Từ 12/1998-12/1999: Trưởng ban kiểm soát nội bộ - Công ty Cao su Tân Biên

Từ 01/2000-03/2005: Nhân viên Phòng Kinh doanh và Phòng Kế hoạch Đầu tư – Công ty Cao su Tân Biên

Từ 03/2005-06/2005: Phó phòng Kế hoạch Đầu tư – Công ty Cao su Tân Biên

Từ 07/2005-09/2007: Trưởng phòng Kế hoạch Đầu tư - Công ty Cao su Tân Biên

Từ 09/2007-06/2009: Tổng giám đốc Công ty cổ phần Cao su Tân Biên-Kampongthom kiêm Giám đốc Công ty TNHH phát triển cao su Tân Biên – Kampongthom

Từ 09/2007-06/2009: Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên Kampongthom kiêm Giám đốc Công ty TNHH phát triển cao su Tân Biên – Kampongthom

Từ 06/2009-12/2010: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên Kampongthom kiêm Giám đốc Công ty TNHH phát triển cao su Tân Biên – Kampongthom.

Từ 01/2011-08/2014: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên Kampongthom kiêm Giám đốc Công ty TNHH cao su Mekong

Từ 08/2014-04/2016: Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Tân Biên; Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên Kampongthom; Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH cao su Mekong Việt Nam kiêm Giám đốc Công ty TNHH Cao su Mekong Campuchia

Từ 05/2016-đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Tân Biên; Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên Kampongthom; Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH cao su Mekong Việt Nam kiêm Giám đốc Công ty TNHH Cao su Mekong Campuchia

**Cổ phiếu nắm giữ:** Cá nhân sở hữu 0 CP - Tỷ lệ: 0%

Đại diện vốn nhà nước: 0 CP - Tỷ lệ:0%

**Họ tên người liên quan:** - Hồ Thị Bích Loan - Vợ - Số CP nắm giữ: 2.400 CP - Tỷ lệ: 0,0027%.

- Trần Thị Thương – Em ruột - Số CP nắm giữ: 1.900 CP - Tỷ lệ: 0,0022%.

- Trần Thị Ngọc Bé – Em ruột - Số CP nắm giữ: 1.100 CP - Tỷ lệ: 0,0012%

- Nguyễn Tri Ân – Em rể - Số CP nắm giữ: 1.000 CP - Tỷ lệ: 0,0011%

## GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT



**Ông Nguyễn Văn Sang**  
Trưởng Ban kiểm soát



**Ông Hoàng Quốc Hưng**  
TV. Ban kiểm soát



**Ông Trần Nguyễn Duy Sinh**  
TV. Ban kiểm soát





## 1. Ông: NGUYỄN VĂN SANG

### Trưởng Ban kiểm soát

**Trình độ chuyên môn :** Cử nhân kinh tế

**Năm sinh :** 12/2/1977

**CMND :** 291085153

**Quốc tịch :** Việt Nam

**Địa chỉ thường trú :** Ấp Hội Phú, xã Tân Hội, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

**Quá trình công tác :**

Từ 11/1977-06/1999: Nhân viên Kế toán – Nhà máy chế biến – Công ty cao su Tân Biên

Từ 06/1999-03/2009: Nhân viên Kế toán – Phòng Tài chính kế toán – Công ty cao su Tân Biên

Từ 04/2009-05/2010: Kế toán tổng hợp – Nông trường cao su Suối Ngô- Công ty Cao su Tân Biên

Từ 06/2010-07/2010: Nhân viên kế toán – phòng Tài chính Kế toán – Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên

Từ 08/2010-10/2011: Phó phòng Tài chính Kế toán – Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên

Từ 10/2011-04/2016: Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên

Từ 05/2016 đến nay: Trưởng ban kiểm soát CTCP Cao su Tân Biên

Hiện nay: Trưởng Ban kiểm soát CTCP Cao su Tân Biên

**Cổ phiếu nắm giữ:** Cá nhân sở hữu 2.000 CP - Tỷ lệ: 0,002%

Đại diện vốn nhà nước: 0 CP - Tỷ lệ:0%

**Họ tên người liên quan:** Không có



## 2. Ông HOÀNG QUỐC HƯNG

### Thành viên Ban kiểm soát

**Trình độ chuyên môn :** Cử nhân Kinh tế

**Năm sinh :** 14/6/1990

**CMND :** 285290939

**Quốc tịch :** Việt Nam

**Địa chỉ thường trú :** 288 Thôn Phú Thịnh, xã Phú Riềng,  
huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước

**Quá trình công tác :**

Từ 07/2012-08/2013: Trợ lý kiểm toán – Công ty TNHH Hãng  
Kiểm toán AASC (CN HCM)

Từ 09/2013-04/2016: Chuyên viên Ban Tài chính kế toán – Tập  
đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam

Từ 05/2016 đến nay: Chuyên viên Ban Tài chính kế toán – Tập  
đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam; Thành  
viên Ban kiểm soát – Công ty Cổ phần Cao  
su Tân Biên

Hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát CTCP Cao su Tân  
Biên

**Cổ phiếu nắm giữ:** Cá nhân sở hữu 0 CP - Tỷ lệ: 0%

Đại diện vốn nhà nước: 0 CP - Tỷ lệ: 0%

**Họ tên người liên quan:** Không có





### 3. Ông: TRẦN NGUYỄN DUY SINH

#### Thành viên Ban kiểm soát

**Trình độ chuyên môn :** Cử nhân Kinh tế

**Năm sinh :** 14/2/1979

**CMND :** 290641872

**Quốc tịch :** Việt Nam

**Địa chỉ thường trú :** Khu phố Ninh Trung - Phường Ninh Sơn  
– Thành Phố Tây Ninh.

**Quá trình công tác :**

Từ 03/2009-11/2013: Nhân viên Xí nghiệp Cơ khí vận tải – Công ty cao su Tân Biên

Từ 04/2009-07/2009: Kế toán tổng hợp Xí nghiệp Cơ khí vận tải – Công ty Cao su Tân Biên

Từ 08/2009-10/2010: Thư ký tổng hợp cho Ban Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Cao su Tân Biên

Từ 11/2010-04/2017: Cán bộ phụ trách Công tác tiền lương thuộc phòng Tổ chức hành chính – Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên

Từ 05/2017-đến nay: Cán bộ phụ trách Công tác tiền lương thuộc phòng Tổ chức hành chính, Thành viên ban kiểm soát CTCP Cao su Tân Biên

**Cổ phiếu nắm giữ:** Cá nhân sở hữu 600 CP - Tỷ lệ: 0,0007%  
Đại diện vốn nhà nước: 0 CP - Tỷ lệ:0%

**Họ tên người liên quan:**

- Trần Nguyễn Thanh Trúc – Em ruột - Số CP nắm giữ: 900 CP - Tỷ lệ: 0,00102%.

- Lâm Thanh Tùng – Em Rể - Số CP nắm giữ: 890 CP - Tỷ lệ: 0,00101%

## Thống kê lao động

Chỉ tiêu	SL (người)
<b>Theo tính chất hợp đồng lao động</b>	
HĐ có xác định thời hạn	01
HĐ không xác định thời hạn	1.462
HĐ theo thời vụ (công nhật)	0
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.463</b>

### Biến động Lao động trong năm:

Lao động có mặt đầu kỳ:	1.625 người
Tăng trong kỳ:	166 người
Giảm:	328 người
<b>Lao động có mặt cuối kỳ:</b>	<b>1.463 người</b>

### Tổ chức cán bộ:

- Điều động và Bổ nhiệm: 02 người; bổ nhiệm, bổ nhiệm lại :08 người; điều động CB.CNV: 22 người; Thôi giữ chức vụ: 02 người; Bố trí Nhiệm vụ: 1 người; Luân chuyển 01 người.
- Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ: 172 người.
- Nâng lương định kỳ: 398 người.

### Giải quyết chế độ chính sách:

Nghỉ việc được hưởng trợ cấp 1 lần: 73 trường hợp, tổng kinh phí Công ty chi trả: 1.400.976.500 đồng

### Chính sách lao động:

- Giải quyết tiền lương hàng tháng đúng định kỳ.
- Tổng quỹ lương KH: 120.088.592.406 đồng
- Quỹ lương thực hiện: 119.807.593.560 đồng
- Thu nhập bình quân/người/tháng: Kế hoạch 8.173.947 đồng, thực hiện 7.488.000 đồng, đạt tỷ lệ 91,6%.
- Chi bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật cho công nhân khai thác, chế biến, nước thải, bảo vệ lô 15.000 đồng/người/ngày; công nhân còn lại 10.000 đồng/người/ngày.
- Trang cấp phòng hộ lao động: 955.040.928 đồng.
- Ăn giữa ca 25.000 đồng/người/ngày: 9.856.204.500 đồng.



## Chính sách chăm lo sức khỏe cho người lao động

### *Điều trị:*

- *Kết quả khám chữa bệnh cụ thể như sau:*
- Điều trị và khám kê toa cho **3.200** lượt người.
- Điều trị nội trú cho : **75** BN. Tổng số ngày điều trị: **97** ngày. Đạt công suất sử dụng giường bệnh 2,5%.
- Cấp cứu: 9 cas
- Chuyển tuyến trên 136 cas.
- Khám sức khỏe 01 đợt/năm tập trung cho toàn thể CB-CNV: **1.351/1.625** CBCNV đạt tỉ lệ 83% tổng số CBCNV.

### *Phòng dịch:*

Kết hợp cùng y tế địa phương và y tế ngành cao su luôn luôn đảm bảo đủ lượng thuốc dự phòng chống dịch, đảm bảo công tác phòng dịch có hiệu quả cao.

### *Bảo hiểm y tế:*

- 100% CBCNV công ty có thẻ BHYT bắt buộc do BHXH Tây ninh phát hành. Đặc biệt năm 2018 TTYT đã thực hiện thông tuyến khám chữa bệnh BHYT cho tất cả các đối tượng có thẻ BHYT theo qui định.
- Công tác BHYT được thanh quyết toán kịp thời.
- Bệnh nhân BHYT được đối xử công bằng và tạo mọi điều kiện để khám chữa bệnh.



## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Năm 2018	Ghi chú
<b>Tổng tài sản</b>	<b>1.411</b>	
Doanh thu thuần	441	
Lợi nhuận trước thuế	268	
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>215</b>	

- Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu căn cứ trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2018	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Cơ cấu tài sản</b>			
	- Tài sản dài hạn/Tổng Tài sản	%	78,44	
	- Tài sản ngắn hạn /Tổng tài sản	%	21,56	
<b>2</b>	<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>			
	- Nợ/Tổng tài sản	%	34,69	
	- Nợ/Vốn CSH	%	53,11	
<b>3</b>	<b>Khả năng thanh toán</b>			
	- Khả năng thanh toán nhanh	lần	1,78	
	- Khả năng thanh toán hiện hành	lần	2,26	
<b>4</b>	<b>Tỷ suất lợi nhuận (TSLN)</b>			
	- TS LNST/Tổng tài sản	%	7,17	
	- TS LNST/Doanh thu	%	25,00	
	- TS LNST/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	10,97	
<b>5</b>	<b>Vòng quay hoạt động</b>			
	- Vòng quay HTK	Vòng	3,16	
	- Vòng quay Tài sản	Vòng	0,09	



## TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN

### 1. Dự án đầu tư vào Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên – Kampong Thom

- Dự án đã được Chính phủ Việt Nam cấp phép đầu tư ra nước ngoài và Hội đồng phát triển Vương quốc Campuchia chính thức cấp phép đầu tư vĩnh viễn vào Campuchia, Do Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên đầu tư vào 02 dự án tại Campuchia:
- Dự án 1: Thực hiện đầu tư theo giấy chứng nhận đầu tư số 128/BKHĐT-ĐTRNN cấp ngày 24/04/2008 và giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 128/BKHĐT-ĐTRNN-ĐC1 ngày 08/07/2011 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Tổng giá trị đầu tư là 55.067.777 USD, tương đương 1.029.369.710.000 đồng (tỷ giá 18.692,77 đồng/USD). Mức đầu tư bình quân là 137.249.295 đồng/ha. Trồng cao su tại tỉnh Kampong Thom do Công ty TNHH Phát triển Cao su Tân Biên – Kampong Thom là chủ đầu tư trực tiếp hoạt động tại Vương quốc Campuchia.
- Dự án 2: Thực hiện đầu tư theo giấy chứng nhận đầu tư số 725/BKHĐT-ĐTRNN cấp ngày 04/07/2014 và giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 725/BKHĐT-ĐTRNN-ĐC1 cấp ngày 27/03/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Tổng giá trị đầu tư là 61.983.000 USD, tương đương 1.301.652.000.000 đồng (tỷ giá 21.000,00 đồng/USD). Mức đầu tư bình quân là 192.837.333 đồng/ha. Trồng cao su tại tỉnh Preah Vihear và tỉnh Kampong Thom do Công ty TNHH Cao su MêKong là chủ đầu tư trực tiếp hoạt động tại Vương quốc Campuchia.
- Tổng vốn điều lệ được phê duyệt 1.434 tỷ đồng, Công ty CP Cao su Tân Biên tham gia góp vốn 53,84% Vốn điều lệ, tương đương 843 tỷ đồng. Công ty đã góp được 690,9 tỷ đồng.
- Đến 31/12/2018 tổng diện tích đất trồng cây cao su lũy kế: 12.952,54 ha, vườn cây phát triển tốt, ổn định.
- Tổng vốn chủ sở hữu của Dự án đến 31/12/2018: 1.279 tỷ đồng, trong đó vốn góp từ Công ty là 690,9 tỷ đồng (tương đương 54,01%), số vốn còn lại do Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam 45,96% và các cổ đông là cá nhân, tương đương 0,03%.
- Dự án mới đi vào khai thác, nhưng sản lượng những năm đầu chưa cao, chi phí phát sinh lớn nên năm 2018 kết quả kinh doanh của Dự án lỗ 27,8 tỷ đồng.

### 2. Dự án Cty CP Chế biến XNK Gỗ Tây Ninh

Tổng Vốn điều lệ 50 tỷ đồng, Công ty CP Cao su Tân Biên tham gia góp vốn 21,6% Vốn điều lệ, tương đương 10,8 tỷ đồng. Công ty đã góp đủ 100%. Dự án đã đầu tư thi công hoàn chỉnh nhà máy và đưa vào hoạt động từ quý IV/2009 đến nay. Thế mạnh của Công ty là sản xuất gỗ phiêu bán xuất khẩu và bán trong nước, sản xuất gỗ ghép tấm chất lượng cao. Sau 7 năm đi vào hoạt động, vốn chủ sở hữu (Chỉ tiêu 410 – Bảng cân đối kế toán trong Báo cáo tài chính năm 2018) đạt 80,975 tỷ đồng, tăng lên 30,975 tỷ đồng (tương đương tăng 61,95%) so với vốn góp ban đầu (50 tỷ đồng). Công ty có lợi thế được Tập Đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam hỗ trợ phân phối nguồn gỗ nguyên liệu hàng năm đều đặn, do đó nhà máy hoạt động hết công suất thiết kế. Hiệu quả sản xuất kinh doanh tốt nên hàng năm Công ty có tích lũy và dự nguồn để trả cổ tức cho các Cổ đông. Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2018 đạt 10,495 tỷ đồng.

### 3. Góp vốn vào Công ty cổ phần Quasa Geruco

- Mục đích đầu tư: Trồng 8.650 ha cao su tại Lào.

- Tổng vốn điều lệ 1.000 tỷ đồng, Công ty CP Cao su Tân Biên đã góp đủ 1,2% Vốn điều lệ, tương đương 12 tỷ đồng. Diện tích trồng: 7.340 ha, địa điểm tại tỉnh Savannakhet, nước CHDC Nhân dân Lào. Bắt đầu trồng từ năm 2007. Hiện nay, Dự án đã đi vào khai thác và đã làm mặt bằng để xây dựng nhà máy chế biến mủ cao su sơ chế với công suất 7.000 tấn/năm.
- Do dự án mới đi vào khai thác, sản lượng những năm đầu chưa cao, giá bán thấp, chi phí phát sinh lớn nên năm 2018 kết quả kinh doanh của Dự án lỗ 26,352 tỷ đồng.

#### **4. Dự án Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG – Quảng Trị:**

- Mục đích đầu tư: Dự án nhà máy sản xuất gỗ MDF, công suất 60.000 m<sup>3</sup>/năm.
- Tổng vốn điều lệ: 551 tỷ đồng.
- Thời gian triển khai: năm 2005.
- Đến 31/12/2018 Công ty CP Cao su Tân Biên đã góp 33,672 tỷ đồng, tương đương 6,11% Vốn điều lệ.
- Dự án đã đầu tư thi công hoàn chỉnh nhà máy và đưa vào hoạt động. Hiện nay vốn chủ sở hữu (Chỉ tiêu 410 – Bảng cân đối kế toán trong Báo cáo tài chính năm 2018) đạt 677,706 tỷ đồng, tăng lên 126,57 tỷ đồng (tương đương tăng 22,9%) so với vốn góp (551,136 tỷ đồng). Hiệu quả sản xuất kinh doanh tốt nên hàng năm Công ty có tích lũy và dự nguồn để trả cổ tức cho các Cổ đông. Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2018 đạt 37,637 tỷ đồng.

#### **5. Dự án Công ty CP TMDV và Du Lịch Cao Su:**

- Tổng vốn điều lệ 427 tỷ đồng do Tập đoàn và các đơn vị thành viên góp vốn. Trong đó, Cty CP Cao su Tân Biên đã góp vốn đủ 13 tỷ đồng, dự án này đã hoàn thành và đưa vào hoạt động ngày 25/10/2010.
- Ngày 31/12/2014, Công ty đã thoái vốn tại Công ty CP TMDV và Du lịch Cao su số tiền: 1.065.570.000 đồng tương đương 106.557 cổ phiếu. Như vậy đến 31/12/2018 số vốn góp của Công ty CP Cao su Tân Biên tại Dự án này chỉ còn 11.934.430.000 đồng, tương đương 1.193.443 cổ phiếu.
- Dự án đang trong lộ trình tái cơ cấu chung của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt nam. Công ty đang tích cực tìm đối tác để thực hiện thoái vốn từ năm 2014 theo Đề án Tái cơ cấu của Công ty, nhưng đến nay vẫn chưa thoái vốn được.

#### **6. Dự án Cty CP PT Đô thị & KCN Cao su VN:**

- Mục đích đầu tư: Xây dựng Khu công nghiệp tại Hải Dương.
- Thời gian khởi công: tháng 01 năm 2008.
- Tổng vốn điều lệ 258,94 tỷ đồng, Công ty CP Cao su Tân Biên đã góp vốn 7,56% tương đương 19,580 tỷ đồng.
- Dự án đang trong lộ trình tái cơ cấu chung của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt nam. Công ty đang tích cực tìm đối tác để thực hiện thoái vốn từ năm 2014 theo Đề án Tái cơ cấu của Công ty, nhưng đến nay vẫn chưa thoái vốn được.



Khoản mục (Đvt: đồng)	Đầu tư năm 2018	Luỹ kế đến 31/12/2018		
		Tổng số	Mệnh giá gốc	Chênh lệch
<b>Đầu tư vào công ty con (TK 221)</b>	<b>1.960.668.693</b>	<b>640.364.141.348</b>	<b>690.954.760.000</b>	<b>(50.590.618.652)</b>
Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên - Kampong Thom	1.960.668.693	640.364.141.348	690.954.760.000	(50.590.618.652)
<b>Đầu tư vào công ty liên kết (TK 223)</b>	<b>0</b>	<b>16.091.369.631</b>	<b>10.800.000.000</b>	<b>5.291.369.631</b>
Công ty CP CB&XNK Gỗ Tây Ninh		16.091.369.631	10.800.000.000	5.291.369.631
<b>Đầu tư dài hạn khác (TK 228)</b>	<b>0</b>	<b>45.904.576.742</b>	<b>77.185.980.000</b>	<b>(31.281.403.258)</b>
Công ty CP Gỗ MDF Quảng Trị		26.263.809.000	33.671.550.000	(7.407.741.000)
Công ty CP TMDV&DL Cao su		2.173.597.465	11.934.430.000	(9.760.832.535)
Công ty CP Quasa Geruco		11.593.170.277	12.000.000.000	(406.829.723)
Công ty CP PT ĐT & KCN Cao su VN		5.874.000.000	19.580.000.000	(13.706.000.000)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.960.668.693</b>	<b>702.360.087.721</b>	<b>778.940.740.000</b>	<b>(76.580.652.279)</b>



## THÔNG TIN CỔ PHIẾU VÀ CỔ ĐÔNG RTB

Vốn điều lệ: 879.450.000.000 đồng

Mã chứng khoán: RTB

Tổng số CP: 87.945.000 CP

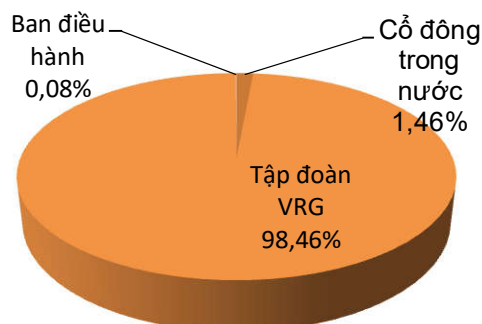
Số lượng CP đang lưu hành: 87.945.000 CP

Số lượng CP bị hạn chế chuyển nhượng: 100.000 CP

Số lượng CP quỹ: 0 CP

Giá trị sổ sách tại 31/12/2018: 10.000 đồng

Cơ cấu cổ đông RTB tại  
31/12/2018



Cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ/Vốn cổ phần
<b>Tập đoàn CN Cao su Việt Nam</b>	<b>86.590.553</b>	<b>98,46%</b>
<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>1.354.447</b>	<b>1,54%</b>
-Tổ chức	120.000	0,14%
-Cá nhân	1.234.447	1,40%
<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>0</b>	<b>0%</b>
-Tổ chức	0	0%
-Cá nhân	0	0%
<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>0</b>	<b>0%</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>87.945.000</b>	<b>100%</b>

### Biểu đồ giá cổ phiếu RTB trong 1 năm qua

KẾT QUẢ GIAO DỊCH NGÀY

0

Trần **10,900**  
Tham chiếu **9,500**  
Sàn **8,100**

Cao nhất 0  
Thấp nhất 0  
Khối lượng 0

XEM BẢNG GIÁ TRỰC TUYẾN

NN mua 0  
NN bán 0

Price Relative

Zoom 1m 3m 6m YTD 1y All

From Jan 1, 2018 To Dec 31, 2018



## Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn điều lệ trở lên chốt ngày 31/12/2018

Tên cổ đông	Địa chỉ	Giấy Đăng ký sở hữu	Số cổ phần	Tỷ lệ %
Tập đoàn CN Cao su Việt Nam	236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q.3, TP.HCM	4106000341	86.590.553	98,46%

## Tỷ lệ sở hữu của Ban điều hành (HDQT, Ban TGD, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng, bao gồm đại diện cổ phần Nhà nước, vốn tổ chức khác) tại ngày 31/12/2018

Tên cổ đông	Chức vụ	CMND	Số cổ phần	Tỷ lệ %
Trương Minh Trung	Chủ tịch HDQT	024088283	38.221.303	43,46%
Trương Văn Cư	Tv.HDQT kiêm Tổng Giám đốc	72068000008	17.635.955	20,05%
Đoàn Kim Chung	Tv.HDQT kiêm Phó TGD	290505784	13.215.450	15,03%
Lê Thị Bích Lợi	Tv.HDQT kiêm Phó TGD	290627654	13.194.650	15,00%
Dương Tấn Phong	Tv.HDQT độc lập	290370686	4.421.450	5,03%
Trần Văn Toàn	Phó TGD	290641959	0	0,000%
Nguyễn Văn Sang	Trưởng ban kiểm soát	291085153	2.000	0,002%
Trần Nguyễn Duy Sinh	Tv. Ban kiểm soát	183529008	600	0,001%
Hoàng Quốc Hưng	Tv. Ban kiểm soát	285290939	0	0,000%
Lâm Thanh Phú	Kế toán trưởng	290472438	5.200	0,006%
<b>Tổng cộng</b>			<b>86.694.808</b>	<b>98,58%</b>

Trong năm công ty không có hoạt động làm thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.





### III. BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

---

- ❖ Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
  - ❖ Tình hình tài chính
  - ❖ Những cải tiến trong năm
  - ❖ Kế hoạch phát triển tương lai
-

## ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

### Khó khăn – Thuận lợi

#### Khó khăn

- Bệnh phấn trắng phát triển trên tất cả diện tích vườn cây kinh doanh, Chỉ số bệnh 49,19%. Do vườn cây của Công ty thuộc cây nhóm II và nhóm III, cây quá cao nên không thực hiện phun phòng trị.
- Toàn bộ diện tích vườn cây của Công ty đang vào thời kỳ già cỗi, miệng cạo cao, cạo đến cành nhánh (diện tích vườn cây nhóm 2 chiếm 53,89%, vườn cây nhóm 3 và tận thu chiếm 46,11%), ngoài ra cây khô miệng cao tăng nên dẫn đến năng suất, sản lượng vườn cây cũng giảm theo. Bên cạnh đó, để tiết giảm chi phí nên lượng phân bón cho vườn cây bị cắt giảm làm ảnh hưởng đến sản lượng khai thác.
- Trong năm 2018, tình trạng công nhân tiếp tục nghỉ việc nhiều so với năm 2017 nên dẫn đến thiếu lao động, Công ty đã bố trí chế độ cạo d4 với diện tích 2.450,17 ha/3.991,91 ha chiếm 61,38%, chế độ cạo d3: 1.391,25 ha/3.991,91 ha, chiếm 34,85%, nhượng quyền khai thác 150,49 ha, chiếm 3,77%
- Trong tháng 11/2018, do ảnh hưởng của cơn bão số 9 đã làm ngã, đổ cây cao su trên vườn cây KTCB với tổng số lượng 82.711 cây, gây ảnh hưởng đến chất lượng sinh trưởng của vườn cây và chi phí để khắc phục kéo cây nghiêng.
- Công tác tiêu thụ sản phẩm các tháng cuối năm 2018 gặp nhiều khó khăn, do giá bán biến động liên tục theo xu hướng giảm nên khách hàng tạm hoãn hoặc từ chối nhận hàng.
- Ngoài ra sự cạnh tranh về giá cả từ các doanh nghiệp cao su tư nhân trong nước diễn ra gay gắt. Một số khách hàng truyền thống có xu hướng chuyển sang mua hàng của doanh nghiệp tư nhân vì có giá bán thấp hơn giá của các Công ty trực thuộc Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam.

#### Thuận lợi

- Công ty luôn nhận được sự quan tâm sâu sắc, tạo điều kiện, giúp đỡ của Tập đoàn CN cao su Việt Nam, các cấp ủy Đảng và chính quyền, địa phương nơi Công ty trú đóng trên địa bàn.
- Công ty tiếp tục giao khoán vườn cây cho người lao động, đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc chăm sóc vườn cây, công nhân thực hiện nghiêm túc hơn quy trình kỹ thuật cạo trên vườn cây của mình.
- Tiếp tục áp dụng khoa học kỹ thuật để nâng cao năng suất vườn cây trước mắt và lâu dài, trong đó đặc biệt lưu ý công tác quy hoạch băng cạo, kích thích mù bằng phương pháp Gastech. Quy trình kỹ thuật được thực hiện nghiêm túc ngay từ đầu năm, công tác kiểm tra kỹ thuật được thực hiện thường xuyên và có chế độ khen thưởng kỹ thuật kịp thời.
- Sản phẩm của Công ty có chất lượng ổn định, được khách hàng đánh giá cao, sản phẩm được cung cấp đến các nhà sản xuất trực tiếp như: Vỡ xe, găng tay, nệm mousse...

## Một số các chỉ tiêu thực hiện năm 2018 Công ty mẹ

CHỈ TIÊU	ĐVT	NĂM 2018		
		KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	%
A	B	2	3	4=3/2
<b>A-CHỈ TIÊU KHỐI LƯỢNG:</b>				
<b>1-Diện tích khai thác:</b>	<b>ha</b>	<b>3.841,42</b>	<b>3.883,08</b>	<b>101,1%</b>
<b>2-Sản lượng khai thác:</b>	<b>tấn</b>	<b>7.140,00</b>	<b>7.220,05</b>	<b>101,1%</b>
<b>3-Năng suất:</b>	<b>tấn/ha</b>	<b>1,86</b>	<b>1,86</b>	<b>100,0%</b>
<b>4-Sản lượng chế biến:</b>	<b>tấn</b>	<b>8.212,00</b>	<b>8.465,84</b>	<b>103,1%</b>
Trong đó:-Mủ khai thác	tấn	7.212,00	7.223,10	100,2%
-Mủ thu mua	tấn	1.000,00	1.242,75	124,3%
-Gia công	tấn			
<b>5-Sản lượng tiêu thụ:</b>	<b>tấn</b>	<b>11.700,00</b>	<b>13.059,35</b>	<b>111,6%</b>
Trong đó:-Mủ khai thác	tấn	7.200,00	7.319,94	101,7%
-Mủ thu mua	tấn	1.000,00	1.239,81	124,0%
-Hàng hóa cao su	tấn	3.500,00	4.499,61	128,6%
+Xuất khẩu:	tấn	2.200,00	3.515,66	159,8%
-Trực tiếp	tấn	2.200,00	3.455,18	157,1%
-Uy thác qua Tập đoàn	tấn			
-Uy thác qua đơn vị khác	tấn		60,48	
+Nội tiêu:	tấn	9.500,00	9.543,69	100,5%
<b>6-Tồn kho cuối năm:</b>	<b>tấn</b>	<b>2.105,45</b>	<b>2.733,65</b>	<b>129,8%</b>
<b>B-CHỈ TIÊU GIÁ TRỊ:</b>				
<b>1-Giá thành:</b>	<b>Tr đồng</b>	<b>30,85</b>	<b>31,14</b>	<b>100,9%</b>
Trong đó: -Mủ khai thác	Tr đồng	29,99	28,67	95,6%



-Mủ thu mua	Tr đồng	33,05	36,73	111,1%
-Hàng hóa cao su	Tr đồng	32,00	33,60	105,0%
<b>2-Giá bán:</b>	<b>Tr đồng</b>	<b>32,70</b>	<b>33,70</b>	<b>103,1%</b>
Trong đó: -Mủ khai thác	Tr đồng	32,99	33,15	100,5%
-Mủ thu mua	Tr đồng	33,05	35,10	106,2%
-Hàng hóa cao su	Tr đồng	32,00	34,21	106,9%
<b>3 -Tổng doanh thu:</b>	<b>Tr đồng</b>	<b>589.116,00</b>	<b>690.954,00</b>	<b>117,3%</b>
<b>4-Tổng lợi nhuận trước thuế:</b>	<b>Tr đồng</b>	<b>221.261,00</b>	<b>268.171,00</b>	<b>121,2%</b>
<b>5-Chỉ tiêu phải nộp Ngân sách</b>	<b>Tr đồng</b>	<b>61.426,44</b>	<b>76.753,95</b>	<b>125,0%</b>
<b>6-Chỉ tiêu đã nộp Ngân sách</b>	<b>Tr đồng</b>	<b>47.184,31</b>	<b>73.216,15</b>	<b>155,2%</b>
<b>7-Tỷ suất lợi nhuận:</b>				
_ Trước thuế/doanh thu	%	37,56	38,81	103,3%
_ Trước thuế /vốn điều lệ	%	25,16	30,49	121,2%
<b>8-Trả cổ tức trên vốn điều lệ</b>	<b>%</b>	<b>10,00</b>	<b>12,00</b>	<b>120,0%</b>
<b>9-Tổng đầu tư XDCB</b>	<b>Tr đồng</b>	<b>25.694,00</b>	<b>22.131,27</b>	<b>86,1%</b>

## GIẢI BẠC CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA



## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### Tình hình tài sản

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Cuối kỳ	Đầu kỳ	% Cuối kỳ/Đầu kỳ
<b>Tổng tài sản</b>	<b>2.862</b>	<b>2.629</b>	<b>108,88</b>
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>617</b>	<b>494</b>	<b>124,95</b>
Phải thu ngắn hạn	35	35	99,71
Hàng tồn kho	131	154	84,90
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>2.245</b>	<b>2.135</b>	<b>105,17</b>

Tổng tài sản tăng 8,88% so với đầu kỳ, tương đương giá trị tổng tài sản đạt 2.862 tỷ đồng. Nguyên nhân chủ yếu bắt nguồn từ tài sản ngắn tăng (tăng 24,9%) trong đó, chủ yếu do tiền và các khoản tương đương tiền tăng 50%.

Chính những yếu tố trên dẫn đến tổng tài sản tăng so với đầu kỳ.

### Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Cuối kỳ	Đầu kỳ	% Cuối kỳ/Đầu kỳ
<b>Nợ phải trả</b>	<b>993</b>	<b>802</b>	<b>123,73</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>273</b>	<b>263</b>	<b>103,66</b>
Vay và nợ ngắn hạn	4	89	4,09
Phải trả người lao động	82	89	91,43
Quỹ khen thưởng phúc lợi	20	6	334,69
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>720</b>	<b>539</b>	<b>133,55</b>
Vay dài hạn	687	505	136,11

Nợ phải trả trong năm qua của công ty tăng 23,7% so đầu kỳ. Chủ yếu là do công ty cơ cấu lại nợ vay, vay dài hạn lên mức 687 tỷ đồng.

## NHỮNG CẢI TIẾN TRONG NĂM

### *Công tác chế biến*

- Chất lượng chế biến các loại sản phẩm đều được nâng cao.

- Công tác bảo trì sửa chữa thường xuyên nên thiết bị, máy móc hoạt động tốt, không ảnh hưởng đến công tác sản xuất, đảm bảo công suất và chất lượng ổn định.

- Xe vận chuyên nguyên liệu về nhà máy an toàn, hiệu quả đảm bảo thời gian nhanh nhất, chất lượng tốt nhất cho sản xuất.

- Gắn Máy dò kim loại và Nam châm cho dây chuyền mù cốm để phát hiện và loại bỏ kim loại ra khỏi thành phẩm Mù cao su.



### *Công tác tài chính*

- Nguồn vốn thường xuyên được cân đối để phục vụ kịp thời cho hoạt động sản xuất kinh doanh và xây dựng cơ bản (trong đó, thực hiện dự án tái canh trồng mới của Công ty, mua sắm máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh và chi trả các chế độ cho người lao động);

- Cập nhật các Thông tư, Chỉ thị mới vào công tác nghiệp vụ chuyên môn hàng ngày. Đảm bảo công tác hạch toán tính đúng, tính đủ vào giá thành;

- Đảm bảo việc chi trả lương, thưởng và các chế độ chính sách đến tay người lao động.

- Thực hiện chi nộp Ngân sách Nhà nước đầy đủ, kịp thời;

- Thực hiện thanh quyết toán các công trình xây dựng cơ bản theo quy định;

- Tham mưu cho Lãnh đạo Công ty về tình hình tài chính của đơn vị.

- Hoàn thành công tác báo cáo tài chính, báo cáo định kỳ theo quy định của Pháp luật và của Tập đoàn, góp phần cho công tác công bố thông tin được kịp thời.

### *Công tác tái canh cao su và chăm sóc vườn cây KTCB*

#### ▪ Công tác tái canh:

Diện tích thực hiện tái canh năm 2018: 324,76 ha, đạt tỷ lệ 100% so với kế hoạch.

Công tác quản lý giống: Công ty đã xây dựng kế hoạch sử dụng giống cụ thể cho từng nông trường, từng lô và tuân thủ cơ cấu giống Tập đoàn quy định, tỷ lệ các giống mới được đưa vào cân đối (chủ



yếu là các giống RRIV 1, RRIV 5, RRIV 106, RRIV 107, RRIV 115, RRIV 124, RRIV 209, PB 255).

Do Công ty tổ chức tốt các khâu chuẩn bị cho công tác tái canh năm 2018 và tuân thủ đúng quy trình kỹ thuật nên nhìn chung vườn cây tái canh và KTCB sinh trưởng và phát triển tốt, tỷ lệ sống cao.

Thực hiện chủ trương của Tập đoàn, Công ty khuyến khích công nhân, hộ gia đình nhận chăm sóc vườn cây được trồng xen canh cây ngắn ngày trên diện tích nhận khoán, qua đó người lao động có thêm thu nhập, Công ty tiết giảm suất đầu tư.



#### ▪ Chăm sóc vườn cây kiến thiết cơ bản:

Công ty đã thực hiện và chăm sóc vườn cây tái canh năm 2013, 2014, 2015, 2016, 2017 với tổng diện tích là 1.831,07 ha. Vườn cây được chăm sóc tốt, bón phân đầy đủ và đúng quy trình kỹ thuật.

Công tác tỉa chồi tạo tán được áp dụng đúng quy trình kỹ thuật của Tập đoàn. Phòng trị kịp thời các bệnh hại trên vườn cây, tiến hành phun thuốc trừ rệp vảy, bệnh nứt vỏ (*Botryodiplodia*), bệnh nấm hồng.

Đánh giá phân hạng vườn cây: Diện tích vườn cây đạt loại A là 1.589,12 ha chiếm tỉ lệ 86,78%, loại B là 198,21 ha chiếm tỉ lệ 10,82%, vườn cây đạt loại C là 43,74 ha chiếm tỉ lệ 2,4%.



#### ▪ Quản lý suất đầu tư:

Thực hiện chỉ đạo của Tập đoàn về tiết giảm suất đầu tư, năm 2018 Công ty xây dựng suất đầu tư bình quân 56 triệu đồng/ha. Công ty đã thực hiện nhiều giải pháp kỹ thuật về quản lý suất đầu tư tương ứng với từng năm trồng và phương thức chăm sóc phù hợp, đúng quy trình quy định.

#### *Công tác đầu tư xây dựng cơ bản và đầu tư ngoài*

#### ▪ Thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản

Công tác đầu tư xây dựng cơ bản luôn được Công ty đặc biệt quan tâm nhất là các công trình trọng điểm phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty. Do tiết giảm đầu tư nên Công ty chỉ thực hiện một số công trình thực sự cần thiết như: 02 Bể gạt mù tại đội sản xuất Nông trường Bồ Túc và 02 Bể gạt mù tại đội sản xuất Nông trường Suối Ngô; mua sắm máy móc, thiết bị như: 01 Máy chủ của Hệ thống mạng nội bộ, 01 Thiết bị tường lửa, 02 Máy in mã sản phẩm và 01 xe quản lý (loại 7 chỗ, hiệu Chevrolet TRAILBLAZER). Thực hiện đúng quy định về Luật đấu thầu và quy chế mua sắm hàng hoá của Công ty.

## ▪ Công tác đầu tư tài chính

Đến thời điểm 31/12/2018, Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên đã tham gia góp vốn 06 Dự án, trong đó có 02 dự án đầu tư ra nước ngoài. Cụ thể:

### Góp vốn vào Công ty cổ phần cao su Quasa Geruco

Tổng vốn điều lệ 1.000 tỷ đồng, Công ty CP Cao su Tân Biên đã góp đủ 1,2% Vốn điều lệ, tương đương 12 tỷ đồng. Diện tích trồng: 7.340 ha, địa điểm tại tỉnh Savannakhet, nước CHDC Nhân dân Lào. Bắt đầu trồng từ năm 2007. Hiện nay, Dự án đã đi vào khai thác và đã làm mặt bằng để xây dựng nhà máy chế biến mủ cao su sơ chế với công suất 7.000 tấn/năm.

### Góp vốn vào Công ty cổ phần cao su Tân Biên – Kampong Thom

Công ty tiến hành mua lại Cổ phiếu Công ty CP Cao su Tân Biên - Kampong Thom của các Cổ đông nhỏ lẻ với tổng số tiền 1,961 tỷ đồng (Giá trị theo mệnh giá: 2,131 tỷ đồng), đạt 0,97% kế hoạch 202,456 tỷ đồng. Về thực hiện góp vốn đầu tư tại Công ty CP Cao su Tân Biên - Kampong Thom không đạt kế hoạch do Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên – Kampong Thom còn vướng các thủ tục huy động vốn theo quy định.

Tổng vốn chủ sở hữu của Dự án đến 31/12/2018: 1.279 tỷ đồng, trong đó vốn góp từ Công ty là 690,9 tỷ đồng (tương đương 54,01%), số vốn còn lại do Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam 45,96% và các cổ đông là cá nhân, tương đương 0,03%.



### Công tác bảo vệ, Quân sự:

#### ▪ Công tác bảo vệ:

- Công tác bảo vệ TTATXH và tài sản của Công ty:

- Trong năm đã xảy ra 8 vụ về trật tự an toàn xã hội (04 vụ tai nạn giao thông, 04 vụ gây mất ANTT) ; 133 vụ xâm hại đến tài sản của Công ty, các vụ việc chủ yếu là trộm cắp mủ cao su 130 vụ, 3 vụ trộm phá vật tư khai thác. Bảo vệ các đơn vị thu hồi được 2.544 kg mủ cao su các loại và một số tài sản khác.

- Ngay từ đầu năm, Công ty xây dựng và thực hiện phương án phòng, chống cháy nổ năm 2018, tổ chức thực tập phương án sự cố hóa chất tại Xí nghiệp cơ khí chế biến; Ban chỉ đạo phòng chống cháy nổ công ty thường xuyên tổ chức kiểm tra công tác phòng chống cháy nổ trên toàn công ty, tăng cường phòng ngừa trong mùa khô; trang bị các phương tiện dụng cụ phòng chống cháy và tổ chức ứng trực trên toàn công ty. Đầu năm 2018 do người dân đốt mía làm xảy ra 01 vụ cháy lô cao su tại đội 3 nông trường Bồ Túc, tuy nhiên gây thiệt hại không đáng kể.

- Trong năm Công ty được công an tỉnh Tây Ninh công nhận đơn vị đạt điển hình tiên tiến trong phong trào toàn dân phòng cháy và chữa cháy. Đồng thời Công ty được UBND tỉnh Tây Ninh công nhận đơn vị điển hình tiên tiến trong phong trào toàn dân phòng cháy và chữa cháy 05 năm liên tục (2014- 2018).

## ▪ Công tác Quân sự:

- Công ty chỉ đạo Ban chỉ huy quân sự công ty xây dựng kế hoạch quân sự quốc phòng năm 2018 và xây dựng các kế hoạch sẵn sàng chiến đấu theo Thông tư 108 của Bộ Quốc phòng và chỉ đạo của Ban chỉ huy quân sự tỉnh Tây Ninh; xây dựng lực lượng tự vệ công ty đủ về số lượng và tổ chức chặt chẽ. Triển khai thực hiện kế hoạch bảo vệ đơn vị an toàn trước, trong và sau tết Nguyên đán 2018 cũng như những ngày lễ, không để xảy ra tình huống bất ngờ bị động. Trong năm Ban chỉ huy quân sự công ty được Bộ tư lệnh quân khu 7 kiểm tra về công tác tự vệ từ năm 2016 – 2018. Sau kiểm tra BCH quân sự công ty được đánh giá tốt.

## ***Đánh giá kết luận:***

Năm 2018 ngoài một số khó khăn nhất định như đã trình bày ở phần trên, nhìn chung các chỉ tiêu cơ bản về sản xuất kinh doanh năm 2018 Công ty đều thực hiện đạt, vượt mức kế hoạch đề ra. Đó là nhờ:

- Công ty luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của các cấp Ủy Đảng, UBND các cấp, Lãnh đạo Tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam và các Ban trực thuộc;
- Sự giúp đỡ tận tình của các cơ quan Ban, Ngành, Đoàn thể tỉnh Tây Ninh; sự phối hợp, hỗ trợ nhiệt tình và có hiệu quả của chính quyền và nhân dân các xã trên địa bàn Công ty trú đóng.
- Đời sống vật chất, tinh thần CB-CNV được cải thiện, thu nhập tiền lương và các chế độ chính sách cho người lao động được chú trọng nâng cao, đã động viên, khuyến khích mọi người hăng hái thi đua lao động sản xuất;
- Coi trọng việc đào tạo cán bộ quản lý ngang tầm với nhiệm vụ, không ngừng cải tiến lề lối làm việc và phong cách thái độ phục vụ khách hàng.
- Triệt để thực hành tiết kiệm. Chống các biểu hiện hình thức phô trương, lãng phí, luôn luôn đặt lợi ích của cổ đông, của người lao động được ưu tiên ở mọi giải pháp.
- Với những kết quả đạt được trong năm 2018, toàn thể CB-CNV Công ty cổ phần Cao su Tân Biên tiếp tục quyết tâm phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019.





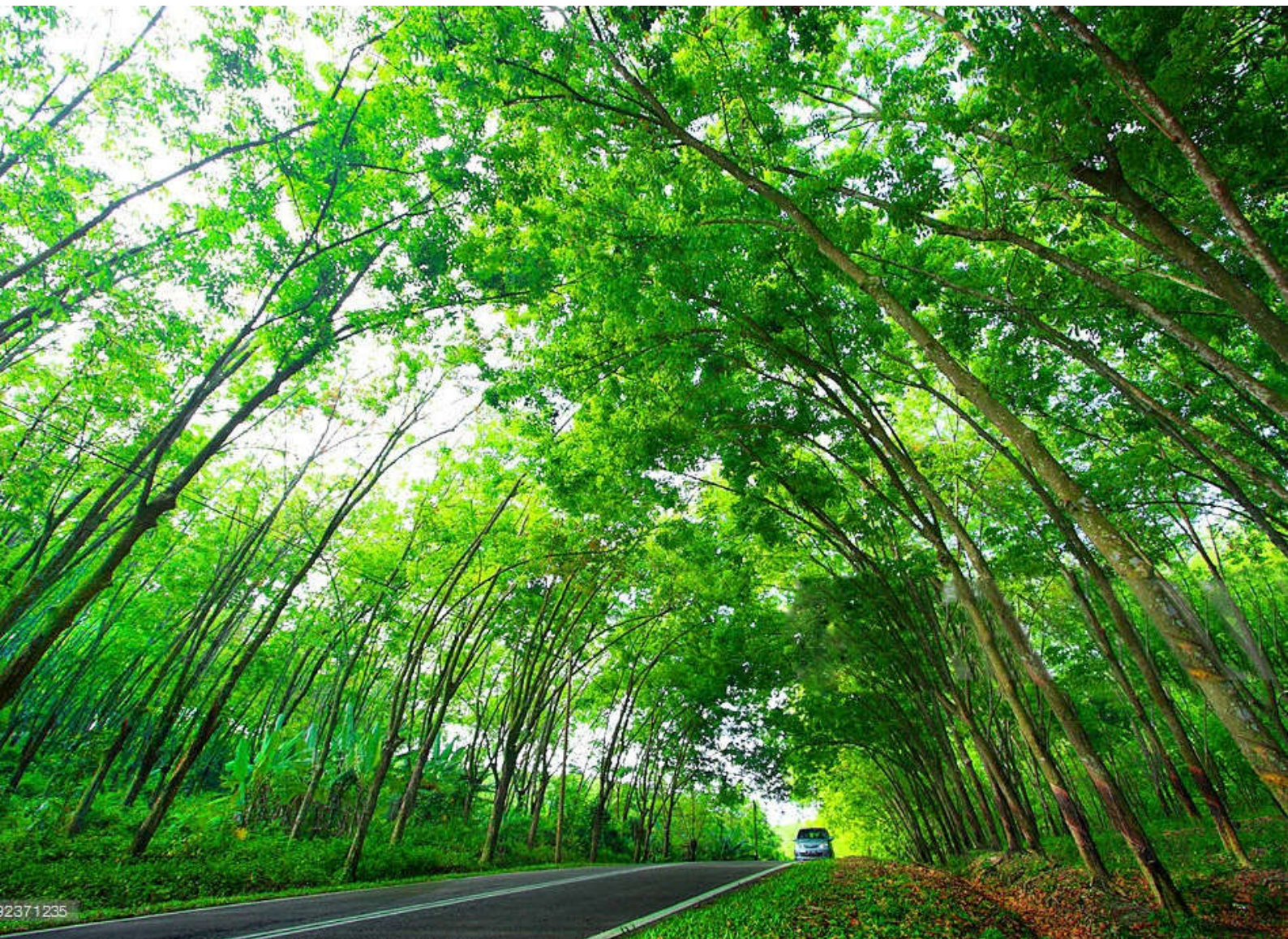
## KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

<b>a. Diện tích, sản lượng, năng suất khai thác:</b>		
+Diện tích:		
-Diện tích Công ty tự khai thác	3.426,06	ha
-Diện tích nhượng quyền khai thác	123,72	ha
-Diện tích chăm sóc cây KTCB	2.155,83	ha
-Diện tích trồng mới tái canh	449,28	ha
+ Sản lượng thỏa thuận với Tập đoàn:	6.300	tấn
+ Năng suất:	1,84	tấn/ha
<b>b. Sản lượng chế biến:</b>	<b>7.800</b>	<b>tấn</b>
+ Mủ khai thác:	6.300	tấn
+ Mủ Thu mua:	1.500	tấn
+ Chế biến mủ gia công:		tấn
<b>c. Sản lượng tiêu thụ (Khai thác+thu mua):</b>	<b>10.800</b>	<b>tấn</b>
Trong đó : + Xuất khẩu:	4.300	tấn
- <i>Trực tiếp:</i>	4.300	tấn
- <i>Ủy thác:</i>		tấn
+ Nội tiêu:	6.500	tấn
<b>d. Giá thành bình quân:</b>	<b>30,83</b>	<b>Triệu đồng/tấn</b>
+ Mủ khai thác:	30,00	Triệu đồng/tấn
+ Mủ thu mua:	33,00	Triệu đồng/tấn
+ Hàng hóa cao su:	31,50	Triệu đồng/tấn
<b>e. Giá bán bình quân:</b>	<b>32,58</b>	<b>Triệu đồng/tấn</b>
+ Mủ khai thác:	33,00	Triệu đồng/tấn
+ Mủ thu mua:	33,00	Triệu đồng/tấn
+ Hàng hóa cao su:	31,50	Triệu đồng/tấn
<b>f. Tổng doanh thu:</b>	<b>507.122,04</b>	<b>Triệu đồng</b>
<b>g. Tổng lợi nhuận trước thuế:</b>	<b>170.224,84</b>	<b>Triệu đồng</b>
Trong đó: Lợi nhuận SXKD:	18.902,84	Triệu đồng
<b>h. Các khoản phải nộp ngân sách:</b>	<b>50.719,21</b>	<b>Triệu đồng</b>



## IV. BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 
- ❖ Đánh giá các mặt hoạt động của công ty
  - ❖ Đánh giá hoạt động của Ban giám đốc
  - ❖ Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị
- 



92371235



## ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Kinh tế thế giới duy trì đà tăng trưởng tốt trong nửa đầu năm 2018 sau đó chậm lại và tiềm ẩn yếu tố khó lường. Thương mại toàn cầu tăng chậm hơn dự báo do những thay đổi trong chính sách thương mại của Mỹ, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung ngày càng diễn biến phức tạp. Căng thẳng thương mại giữa các nước lớn có tác động đến sản xuất, xuất khẩu của Việt Nam và các nước trong khu vực.
- Năm 2018, tốc độ tăng trưởng kinh tế của nước ta vẫn được duy trì, GDP cả năm đạt mức tăng 7,08% so với năm 2017. Bên cạnh diễn biến tích cực của các chỉ số kinh tế như bội chi ngân sách, nợ công, cán cân thương mại, tỷ lệ lạm phát... nền kinh tế đã có những cải thiện trong hiệu quả đầu tư và năng lực cạnh tranh.
- Do ảnh hưởng của nền kinh tế thế giới và trong nước, giá bán cao su thiên nhiên thế giới năm 2018 có chiều hướng giảm do lượng cao su tồn kho lớn ở các nước trong khu vực, trong khi nhu cầu nhập khẩu cao su và doanh số tiêu thụ ô tô tại thị trường Trung Quốc sụt giảm; giá dầu thô thế giới lao dốc mạnh trong quý IV/2018; đặc biệt là các nhà đầu tư thận trọng trước lo ngại nguy cơ chiến tranh thương mại giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc, dẫn đến sự biến động trên thị trường tài chính toàn cầu, kìm hãm tăng trưởng kinh tế thế giới qua đó gián tiếp tác động đến nhu cầu cao su thiên nhiên. Riêng tháng 12/2018, giá cao su thiên nhiên thế giới có dấu hiệu phục hồi nhẹ nhờ diễn biến căng thẳng thương mại giữa Hoa Kỳ - Trung Quốc tạm thời lắng dịu đi, trong khi các nước sản xuất cao su hàng đầu trong Hội đồng cao su quốc tế ba bên (ITRC) là Thái Lan, Malaysia, Indonesia đã cũng thảo luận và dự kiến sớm đưa ra được các biện pháp cụ thể để hỗ trợ giá cao su trong năm 2019, nhờ đó giúp tâm lý thị trường dần ổn định trở lại.
- Tính đến hết năm 2018, tổng diện tích vườn cao su ở Việt Nam ước đạt 964.500 ha, giảm 0,4% so với năm 2017. Sản lượng đạt 1.141.900 tấn, tăng 4,3% so với năm 2017, là nước sản xuất cao su thiên nhiên đứng thứ ba thế giới sau Thái Lan và Indonesia. Trong năm 2018, cả nước xuất khẩu cao su thiên nhiên đạt 1,56 triệu tấn, với giá trị 2,1 tỷ USD, đơn giá xuất khẩu bình quân đạt 1.338 USD/tấn. So với 2017, xuất khẩu cao su thiên nhiên tăng 13,3% về sản lượng, giảm 7% về giá trị.
- Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên trong năm 2018 cũng đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức như: thời tiết mưa giông nhiều trong năm đã làm gãy đổ cây cao su với số lượng lớn, giá mủ cao su diễn biến phức tạp và giảm dần, thu nhập, đời sống công nhân giảm sút do tiền lương giảm mạnh, bệnh hại trên vườn cây cao su phát triển như bệnh nứt vỏ xì mủ, bệnh nấm hồng, Corynespora, Botryodiplodia. Tuy nhiên, dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám Đốc cùng với sự nỗ lực vượt bậc cùng với quyết tâm cao độ của toàn thể cán bộ công nhân viên, Công ty đã hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2018.
- Năm 2018, Công ty đã thực hiện được các chỉ tiêu cơ bản như sau:



Một số chỉ tiêu cơ bản Năm 2018

CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	% KH
<b>CHỈ TIÊU KHỐI LƯỢNG</b>				
Sản lượng khai thác	Tấn	7.140,00	7.220,05	101,12
Năng suất	Tấn/ha	1,86	1,86	100,04
Sản lượng chế biến	Tấn	8.212,00	8.465,84	103,09
Sản lượng tiêu thụ	Tấn	11.700,00	13.059,35	111,62
Tồn kho cuối năm	Tấn	2.105	2.734	129,84
<b>CHỈ TIÊU GIÁ TRỊ</b>				
Giá thành	Triệu đ/tấn	30,85	31,14	100,91
- Mủ khai thác	Triệu đ/tấn	29,99	28,67	95,59
- Mủ thu mua	Triệu đ/tấn	33,05	36,73	111,14
- Hàng hóa cao su	Triệu đ/tấn	32,00	33,60	105,01
Giá bán	Triệu đ/tấn	32,70	33,70	103,06
- Mủ khai thác	Triệu đ/tấn	32,99	33,15	100,47
- Mủ thu mua	Triệu đ/tấn	33,05	35,10	106,19
- Hàng hóa cao su	Triệu đ/tấn	32,00	34,21	106,92
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	589.116	690.954	117,29
Tổng LNTT	Tỷ đồng	221.261	268.171	121,20
Tỷ lệ cổ tức trên VDL	%	10	12	120,00

## **ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ**

- Chủ tịch HĐQT Công ty luôn giữ liên lạc thường xuyên với các thành viên HĐQT khác để thống nhất ý kiến chỉ đạo và có quyết định đúng đắn, kịp thời.
- Các thành viên Ban Tổng Giám Đốc Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao theo các Nghị quyết đã được thông qua bởi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 và HĐQT Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên, báo cáo tình hình hoạt động của Công ty cho các thành viên HĐQT thường xuyên nhằm xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh.
- Phân công nhiệm vụ rõ ràng cho Tổng Giám Đốc và định kỳ tổ chức các cuộc họp giao ban hàng tháng, hàng quý để đánh giá kết quả triển khai các hoạt động được giao.

## **CÁC KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM**

- Tiếp tục phát huy các thành quả đã đạt được, khắc phục tồn tại của năm 2018.
- Giữ vững và nâng cao uy tín thương hiệu. Quan tâm không ngừng mở rộng thị trường, nghiên cứu phát triển sản phẩm mới theo xu hướng đa dạng hóa. Nâng dần tỷ trọng sản phẩm có giá trị kinh tế cao. Tiếp tục vận hành hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015; hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015; nâng cấp phiên bản mới hệ thống quản lý phòng thử nghiệm và hiệu chuẩn ISO/IEC 17025:2017; xây dựng và áp dụng hệ thống giải pháp và công cụ tinh gọn LEAN.
- Nâng cao vai trò quản lý của Cán bộ các cấp, tiếp tục cải tiến các định mức kinh tế kỹ thuật, sắp xếp, quản lý sản xuất hợp lý nhằm tiết giảm tối đa các chi phí nhằm giảm giá thành sản xuất thành phẩm ở mức tối ưu nhất có thể.
- Triệt để thực hành tất cả các biện pháp tiết kiệm, chống lãng phí, nâng cao vai trò của lực lượng Bảo vệ, phối hợp tốt với chính quyền địa phương để hạn chế các hiện tượng tiêu cực.
- Đổi mới quản lý. Thường xuyên đào tạo và bồi dưỡng năng lực cán bộ các cấp nhằm đáp ứng với yêu cầu trong tình hình mới. Ứng dụng các tiến bộ công nghệ vào quản lý và sản xuất.
- Tăng cường công tác thu mua, gia công để bù đắp sản lượng giảm, đảm bảo công suất máy, và tăng thu nhập người lao động;
- Tăng cường đầu tư và hỗ trợ cho Công Ty Cổ phần Cao su Tân Biên – Kampong Thom thực hiện hoàn thành nhiệm vụ.

Tiếp tục tích cực chăm lo đến đời sống và điều kiện làm việc cho người lao động

Sau đây là một số chỉ tiêu chính trong kế hoạch năm 2019 của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên:

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>ĐVT</b>	<b>KH 2019</b>
<b>CHỈ TIÊU KHỐI LƯỢNG</b>		
<b>Sản lượng khai thác</b>	<b>Tấn</b>	<b>6.510</b>
- Cao su tự khai thác	Tấn	6.300
- Cao su nhượng quyền khai thác	Tấn	210
<b>Sản lượng chế biến</b>	<b>Tấn</b>	<b>7.800</b>
- Mủ khai thác	Tấn	6.300
- Mủ thu mua	Tấn	1.500
- Mủ gia công	Tấn	0
<b>Diện tích khai thác</b>	<b>Ha</b>	<b>3.549,78</b>
- Diện tích tự khai thác	Ha	3.426,06
- Diện tích nhượng quyền khai thác	Ha	123,72
<b>Sản lượng tiêu thụ</b>	<b>Tấn</b>	<b>10.800</b>
- Xuất khẩu	Tấn	4.300
- Nội tiêu	Tấn	6.500
<b>CHỈ TIÊU GIÁ TRỊ</b>		
<b>Giá thành</b>	<b>Triệu đồng/tấn</b>	<b>30,83</b>
- Mủ thu mua	Triệu đồng/tấn	30,00
- Mủ khai thác	Triệu đồng/tấn	33,00
- Hàng hóa cao su	Triệu đồng/tấn	31,50
<b>Giá bán</b>	<b>Triệu đồng/tấn</b>	<b>32,58</b>
- Mủ thu mua	Triệu đồng/tấn	33,00
- Mủ khai thác	Triệu đồng/tấn	33,00
- Hàng hóa cao su	Triệu đồng/tấn	31,50
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>507,122</b>
<b>Tổng LNTT</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>170,225</b>





- 
- ❖ Hội đồng quản trị
  - ❖ Ban Kiểm soát
  - ❖ Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát
  - ❖ Quan hệ cổ đông
-

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Tên thành viên	Chức vụ	Tư cách thành viên
01	Trương Minh Trung	Chủ tịch	Thành viên không điều hành
02	Trương Văn Cư	Thành viên	Thành viên điều hành
03	Đoàn Kim Chung	Thành viên	Thành viên điều hành
04	Lê Thị Bích Lợi	Thành viên	Thành viên điều hành
05	Đỗ Thành Nghiệp	Thành viên	Thành viên không điều hành (miễn nhiệm từ ngày 15/6/2018)
06	Dương Tấn Phong	Thành viên	Thành viên không điều hành (Bỏ nhiệm từ ngày 15/6/2018)

### Hoạt động của HĐQT

#### Các cuộc họp của HĐQT

Trong năm 2018, HĐQT đã tổ chức họp ĐHCĐ thường niên; 4 phiên họp thường kỳ để xem xét, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT với sự mở rộng tham dự họp của Ban Kiểm soát, chủ tịch Công đoàn, Ban Điều hành và Trưởng phòng nghiệp vụ của Công ty.

Ngoài các phiên họp định kỳ (hàng quý), HĐQT cũng đã tổ chức 84 lần lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản để giải quyết những vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT phát sinh giữa 2 phiên họp.

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi tham dự họp	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Trương Minh Trung	Chủ tịch	4/4	100%	
2	Trương Văn Cư	Thành viên	4/4	100%	
3	Đoàn Kim Chung	Thành viên	4/4	100%	
4	Lê Thị Bích Lợi	Thành viên	4/4	100%	
5	Đỗ Thành Nghiệp	Thành viên	2/4	50%	Miễn nhiệm từ ngày 15/6/2018
6	Dương Tấn Phong	Thành viên	2/4	50%	Bỏ nhiệm từ ngày 15/6/2018



## Các Nghị quyết thông qua trong năm 2018

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT	THỜI GIAN	NỘI DUNG CHÍNH
01	01/NQ-HĐQTCSTB	19/01/2018	Nghị quyết v/v thông qua kết quả bình xét thi đua và phương án thưởng năm 2017
02	02/NQ-HĐQTCSTB	23/01/2018	Nghị quyết v/v chủ trương ký kết HĐ mua bán mũ cao su với Cty CP CS TB-KPT
03	03/NQ - HĐQTCSTB	31/01/2018	Nghị quyết v/v phương án trả lương tạm tính năm 2017
04	05/NQ-HĐQT	18/04/2018	Nghị quyết v/v nghị quyết Hội đồng quản trị quý IV-năm 2017
05	06/NQ-HĐQTCSTB	19/04/2018	Nghị quyết v/v HĐQT Cty CP cao su Tân Biên Quý I/2018
06	07/NQ-HĐQTCSTB	02/05/2018	Nghị quyết v/v chủ trương ký kết HĐMB mũ cs với Cty CP cs TB-KPT
07	08/NQ-HĐQTCSTB	16/05/2018	Nghị quyết v/v chủ trương ký kết HĐMB mũ với Cty TB-KPT
08	09/NQ-HĐQTCSTB	23/05/2018	Nghị quyết v/v chủ trương ký kết HĐ tín dụng để đầu tư dự án tái canh và chăm sóc cao su gđ 2016 - 2020
09	131/NQ-HĐQTCSTB	05/07/2018	Nghị quyết v/v chủ trương ký kết hợp đồng mua bán mũ cao su với Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên - kampongThom
10	136/NQ-HĐQTCSTB	12/07/2018	Nghị quyết v/v chủ trương tiếp tục mua lại cổ phần của cổ đông nhỏ lẻ tại Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên - KampongThom
11	141/NQ-HĐQTCSTB	25/07/2018	Nghị quyết v/v chủ trương ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa với Tập đoàn Công Nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP
12	162/NQ-HĐQTCSTB	10/09/2018	Nghị quyết v/v hội đồng quản trị Công ty CP Cao su Tân Biên Quý II/2018
13	199/NQ-HĐQTCSTB	05/11/2018	Nghị quyết v/v chủ trương ký kết hợp đồng mua bán tài sản thanh lý với Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên-KampongThom
14	205/NQ-HĐQTCSTB	09/11/2018	Nghị quyết v/v hội đồng quản trị Công ty CP Cao su Tân Biên Quý III/2018
15	231/NQ-HĐQTCSTB	28/12/2018	Nghị quyết v/v chủ trương ký kết HĐMB mũ CS với Cty con
16	232/NQ-HĐQTCSTB	28/12/2018	Nghị quyết v/v họp HĐQT Cty CP CSTB quý IV/2018



## Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: không có

- Các cuộc họp HĐQT đều đảm bảo đúng thủ tục theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Các thành viên HĐQT đã có gắng hoàn thành tốt chức trách của mình, hành động vì lợi ích của cổ đông và của Công ty.
- Kết hợp với Ban kiểm soát tiếp tục duy trì tính an toàn và đảm bảo hoạt động của doanh nghiệp theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Thực hiện các chức năng quản trị hoạt động công ty theo đúng phạm vi, quyền hạn của HĐQT được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
- Với tinh thần trách nhiệm trước các cổ đông, người lao động trong Công ty và vì sự phát triển của đơn vị, có thể đánh giá rằng HĐQT đã hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ của mình trong việc chỉ đạo, giám sát đối với Ban điều hành và bộ máy giúp việc trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, cũng như Nghị quyết, quyết định của HĐQT. Vì vậy, mặc dù là năm đầu tiên thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, còn gặp nhiều khó khăn, nhưng các chỉ tiêu chủ yếu của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông lần đầu cơ bản đã được hoàn thành, tạo nền tảng cho sự phát triển ổn định của Công ty trong những năm tiếp theo.

**Danh sách các Tv.HQĐT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Tất cả Thành viên HĐQT đều có chứng chỉ đào tạo về Quản trị công ty**

STT	Tên thành viên	Chức vụ	Tư cách thành viên
01	Trương Minh Trung	Chủ tịch	Thành viên không điều hành
02	Trương Văn Cư	Thành viên	Thành viên điều hành
03	Đoàn Kim Chung	Thành viên	Thành viên điều hành
04	Lê Thị Bích Lợi	Thành viên	Thành viên điều hành
05	Đỗ Thành Nghiệp	Thành viên	Thành viên không điều hành (miễn nhiệm từ ngày 15/6/2018)
06	Dương Tấn Phong	Thành viên	Thành viên không điều hành (Bỏ nhiệm từ ngày 15/6/2018)



## BAN KIỂM SOÁT

### Hoạt động của Ban Kiểm soát

- Ban kiểm soát có 3 thành viên, các thành viên đã thực hiện nhiệm vụ theo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.
- Đại diện Ban kiểm soát tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng Quản trị (HĐQT) và đóng góp ý kiến với HĐQT – Ban Tổng giám đốc về các vấn đề liên quan đến hoạt sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2018.
- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, điều hành của Ban tổng giám đốc trong việc thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2018.
- Xem xét các báo cáo về công tác quản lý, điều hành, báo cáo về thực hiện kế hoạch kinh doanh hàng quý năm 2018 và báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2018 của Công ty.
- Xem xét việc chỉ đạo và triển khai hoạt động của Hội đồng quản trị cũng như việc thực hiện nhiệm vụ của Ban Tổng giám đốc điều hành.

### Kết quả giám sát hoạt động và tài chính của công ty

#### Tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2018:

Công ty Cổ phần cao su Tân Biên triển khai thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2018, trong bối cảnh Ngành cao su nói chung và Công ty nói riêng tiếp tục đối diện với nhiều khó khăn: do giá bán mủ cao su chưa được thuận lợi vẫn còn ở mức thấp, giá bán sụt giảm mạnh vào những tháng cuối năm làm ảnh hưởng đến tiêu thụ sản phẩm và giảm doanh thu. Ngoài ra, sự biến đổi khí hậu bất thường trong năm, sự biến động về lao động làm công việc khai thác mủ và nạn trộm cắp mủ mặc dù có giảm nhưng vẫn còn xảy ra ở nhiều nơi ... cũng là những yếu tố làm ảnh hưởng đến sản lượng cao su khai thác.

Do đã nhận định, dự báo trước tình hình khó khăn của năm 2018, nên ngay từ đầu năm, Công ty đã chủ động đề ra các định hướng, giải pháp phù hợp trong điều hành, quản lý nhằm đảm bảo sản xuất kinh doanh có lợi nhuận, duy trì việc làm và thu nhập cho người lao động và thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước.

Ban Kiểm soát Công ty xác nhận báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty CP Cao su Tân Biên đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty, kết quả một số chỉ tiêu chính như sau:

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	So sánh
1	Tài sản ngắn hạn		569.805	
2	Tài sản dài hạn		841.095	
	Tổng tài sản		1.410.900	
3	Nợ phải trả		233.030	
4	Vốn chủ sở hữu		1.177.870	
	Tổng nguồn vốn		1.410.900	
5	Doanh thu	589.116	690.954	117,29%
6	Chi phí	367.855	422.783	114,93%
7	Lợi nhuận trước thuế	221.261	268.171	121,20%
8	Lợi nhuận sau thuế	177.009	215.464	121,72%
9	Sản lượng khai thác (tấn quy khô)	7.140	7.220,05	101,12%
10	Sản lượng chế biến (tấn quy khô)	8.212	8.466	103,09%
11	Sản lượng tiêu thụ (tấn)	11.700	13.059	111,62%
12	Giá bán bình quân (ngàn đồng/tấn)	32,70	33,70	103,06%



## Các chỉ số đánh giá an toàn và hiệu quả trong hoạt động kinh doanh năm 2018:

Các chỉ số đánh giá hiệu quả theo Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2018	Mức đạt theo BCTC HN năm 2018
Tỷ số thanh toán nhanh	1,781 lần
Tỷ số thanh toán nợ đến hạn	2,259 lần
Tỷ suất lợi nhuận/doanh thu	37,56%
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu	19,2%
Hệ số bảo toàn vốn	1,024 lần

Qua các chỉ tiêu đánh giá trên cho thấy Công ty CP Cao su Tân Biên có hệ số thanh toán các khoản nợ đến hạn cao, tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu và vốn cao so với mặt bằng chung của ngành cao su và quan trọng hơn hết và đảm bảo tăng trưởng vốn của chủ sở hữu, của cổ đông góp vốn.

Năm 2018, Công ty đã tiến hành trích lập các Quỹ Đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng phúc lợi, chia cổ tức năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 và tạm ứng cổ tức năm 2018 theo Nghị quyết HĐQT, như sau:

- Trích Quỹ Đầu tư phát triển: 53,588 tỷ đồng.
- Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi: 40,120 tỷ đồng.
- Trích thưởng Ban quản lý điều hành: 0,307 tỷ đồng.
- Chia cổ tức năm 2017 bằng 7% mệnh giá.

Tạm ứng cổ tức năm 2018 bằng 10% mệnh giá.

### Công tác quản lý, điều hành của Hội đồng Quản trị:

-Hội đồng Quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ quý, năm theo đúng quy định Điều lệ tổ chức. Ban kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT đáp ứng kịp thời với yêu cầu hoạt động SXKD của Công ty trong năm.

-HDQT đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý của mình tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định khác của pháp luật.

- Các Nghị quyết, Quyết định của HDQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp với căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

### **Công tác đầu tư:**

#### **Đầu tư XDCB năm 2018 của Công ty:**

Công tác đầu tư xây dựng cơ bản luôn được Công ty đặc biệt quan tâm nhất là các công trình trọng điểm phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty. Do tiết giảm đầu tư nên Công ty chỉ thực hiện một số công trình thực sự cần thiết như: 02 Bể gạn mủ tại đội sản xuất Nông trường Bồ Túc và 02 Bể gạn mủ tại đội sản xuất Nông trường Suối Ngô; mua sắm máy móc, thiết bị như: 01 Máy chủ của Hệ thống mạng nội bộ, 01 Thiết bị tường lửa, 02 Máy in mã sản phẩm và 01 xe quản lý (loại 7 chỗ, hiệu Chevrolet TRAILBLAZER). Thực hiện đúng quy định về Luật đấu thầu và quy chế mua sắm hàng hoá của Công ty.

#### **Đầu tư tài chính ra bên ngoài:**

Công ty tiến hành mua lại Cổ phiếu Công ty CP Cao su Tân Biên - Kampong Thom của các Cổ đông nhỏ lẻ với tổng số tiền 1,961 tỷ đồng (Giá trị theo mệnh giá: 2,131 tỷ đồng), đạt 0,97% kế hoạch 202,456 tỷ đồng. Về thực hiện góp vốn đầu tư tại Công ty CP Cao su Tân Biên - Kampong Thom không đạt kế hoạch do Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên – Kampong Thom còn vướng các thủ tục huy động vốn theo quy định.



#### **Về tiền lương:**

Với việc hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch năm 2018, Công ty đã trích quỹ tiền lương năm 2018 với số tiền là 119.808 triệu đồng và lương bình quân CBCNV năm 2018 là 6,65 triệu đồng/người/tháng.

Công ty đã phân phối quỹ lương một các hợp lý, đúng chế độ và theo đúng quy chế của công ty đã ban hành.

### **Kiểm soát công nợ:**

Quá trình kiểm soát chúng tôi nhận thấy rằng: Công ty đã thực hiện tốt việc quản lý công nợ đối với khách hàng, thường xuyên kiểm tra, theo dõi chặt chẽ, đơn đốc thu hồi công nợ kịp thời. Đối với khoản công nợ khó đòi của Công ty TNHH Nguyễn Đức, Công ty EKSAMBATH, Công ty đã trích lập dự phòng theo đúng quy định (số tiền là 918 triệu đồng).

### **Các công tác khác của Ban kiểm soát:**

- Kiểm tra tình hình thực hiện công tác đầu tư XD CB, tiền lương, ... tại Công ty;
- Kiểm tra tình hình quản lý và sử dụng vốn của Ban quản lý điều hành Công ty;
- Thường xuyên quan tâm theo dõi tình hình hoạt động của các dự án đầu tư tài chính của Công ty.

### **Nhận xét đánh giá:**

- Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty đã tuân thủ các quy định của Điều lệ công ty và các quy chế trong chỉ đạo điều hành hoạt động kinh doanh.

- Ban Tổng giám đốc đã điều hành công ty trên tinh thần đoàn kết nhất trí và trách nhiệm cao, vì lợi ích hợp pháp của công ty và của cổ đông. Ban tổng giám đốc đã triển khai thực hiện đầy đủ các Quyết định, Nghị quyết của HĐQT; thực hiện nghiêm túc các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo đúng Điều lệ Công ty và pháp luật quy định.

- Ban Tổng giám đốc cùng đội ngũ cán bộ quản lý đã có nhiều nỗ lực điều hành hoạt động SXKD của Công ty và đã hoàn thành các chỉ tiêu quan trọng như : Sản lượng, doanh thu, lợi nhuận...

### **Phương hướng nhiệm vụ năm 2019:**

Căn cứ quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát được quy định tại Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần cao su Tân Biên; Ban Kiểm soát xây dựng phương hướng, nhiệm vụ công tác trong năm 2019 như sau:

- Triển khai nhiệm vụ công tác của Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều lệ Công ty; Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát; cơ chế làm việc và phân công nhiệm vụ của các thành viên Ban Kiểm soát.
- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban điều hành để nắm bắt kịp thời về tình hình thực hiện kế hoạch SXKD, cũng như các chủ trương, Nghị quyết của Công ty.
- Kiểm tra, giám sát hoạt động của Ban điều hành theo kế hoạch và Nghị quyết của Công ty.
- Xây dựng kế hoạch và tổ chức các đợt kiểm tra trong năm về thực hiện các dự án đầu tư; tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2019 theo chuyên đề, như: công tác quản lý XD CB;



lao động tiền lương; thanh lý vườn cây, trồng mới - tái canh; kiểm tra và theo dõi dự án đầu tư tại Công ty cổ phần cao su Tân Biên – Kampongthom.

- Tham gia xét thầu mua sắm vật tư, hóa chất, phân bón và máy móc thiết bị.
- Thẩm định báo cáo tài chính quý, năm 2019 theo quy định.
- Thẩm định báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty và trình Đại hội cổ đông năm 2020 theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Trên đây là Báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty CP Cao su Tân Biên và tình hình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao của BKS trong năm 2018 và phương hướng, nhiệm vụ công tác của BKS trong năm 2019.

Ban kiểm soát xin trân trọng cảm ơn Hội đồng quản trị, Ban điều hành, các phòng ban trực thuộc công ty đã sẵn sàng giúp đỡ, hỗ trợ và tạo mọi điều kiện cho Ban kiểm soát hoạt động và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

## Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

### Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích:

STT	Họ và tên	Lương	Thù lao	Thưởng và chi khác	Cho Công ty vay	Vay của Công ty
<b>1</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>					
	Trương Minh Trung		5.336.000			
	Trương Văn Cư	431.708.000	0	11.100.000		
	Đoàn Kim Chung	392.479.683	0	11.100.000		
	Lê Thị Bích Lợi	378.299.800	0	11.400.000		
	Đỗ Thành Nghiệp		9.438.000			
	Dương Tấn Phong		0			
	Bùi Thống Nhứt	95.476.716	24.000.000	14.800.000		
<b>2</b>	<b>Ban kiểm soát</b>					
	Nguyễn Văn Sang	389.994.700	0	11.100.000		Không có phát sinh
	Hoàng Quốc Hưng		39.396.000			
	Trần Nguyễn Duy Sinh		26.264.000			
<b>3</b>	<b>Ban điều hành</b>					
	Trương Văn Cư	Như trên	Như trên	Như trên		
	Đoàn Kim Chung	Như trên	Như trên	Như trên		
	Lê Thị Bích Lợi	Như trên	Như trên	Như trên		
	Trần Văn Toàn	0	0	0		
<b>4</b>	<b>Kế toán trưởng</b>					
	Lâm Thanh Phú	348.725.300	0	11.100.000		

**Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:** (HĐQT, Ban TGD, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên trong năm 2018):

S T T	Tên tổ chức /Cá nhân	Chức vụ tại Công ty (Nếu có)	Số CMND /ĐKKD	Nơi cấp CMND /ĐKKD	Mối liên hệ với thành viên chủ chốt	Số cổ phiếu giao dịch	Tỷ lệ (%)
	Không phát sinh						

### Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên).

Tên gọi	Quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số tiền (Triệu đồng)
Công ty CP Chế biến - XNK Gỗ Tây Ninh	Công ty liên kết	Cổ tức 2017	1.080
		Bán cây cao su thanh lý	41.811
Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên – Kampong Thom (TKR)	Công ty con	Mua cổ phiếu của cổ đông nhỏ lẻ	1.960
		Mua Mủ cao su thành phẩm	80.208
		Bán công cụ, thiết bị	50
Công ty TNHH Phát triển Cao su Tân Biên – Kampong Thom	Công ty con gián tiếp	Thanh toán và mua Mủ cao su	27.664
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	Công ty mẹ	Doanh thu bán hàng	41.061
		Mua vật tư hàng hóa	47
Công ty CP gỗ MDF VRG Quảng trị	Ông Đoàn Kim Chung làm thành viên HĐQT	Tiền cổ tức nhận được	1.347

### Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Nhìn chung trong năm 2018 vừa qua, HĐQT và Ban điều hành đã thực hiện tốt công tác quản trị công ty. Thường xuyên phản ứng kịp thời và đầy đủ trước các vấn đề phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.



## QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

Thiết kế hoạt động công bố thông tin và tương tác với cổ đông là vô cùng cần thiết. Vì vậy, bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, công ty luôn theo sát và duy trì mối quan hệ với các cổ đông. Duy trì một kênh thông tin tương tác giữa RTB và cổ đông là một nhiệm vụ được công ty chú trọng trong các năm qua. Công ty thường xuyên cập nhật các thông tin quan trọng và liên quan đến hoạt động của công ty quý nhà đầu tư có thể theo dõi chi tiết tại:

<http://www.tabiruco.vn/quan-he-co-dong/>

RTB luôn cố gắng đổi mới và thúc đẩy kênh đối thoại với các cổ đông thông qua Bộ phận công bố thông tin nhằm tiếp sức cho Ban điều hành trong công tác điều hành và quản trị công ty.



## CÁC HOẠT ĐỘNG LIÊN QUAN







Tây Ninh ngày 18 tháng 4 năm 2019  
Xác nhận của người đại diện trước pháp luật  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN**



**Trương Văn Cư**



# BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG KIỂM TOÁN 2018



Số: 2002.19.001 /BCTC.HCM

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên được lập ngày 10 tháng 01 năm 2019, từ trang 05 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Ngô Minh Quý**  
Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 2434-2018-002-1  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 02 năm 2019

**Nguyễn Lê Quang Hội**  
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 3098-2015-002-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>569.804.964.838</b>	<b>443.943.405.322</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	03	<b>355.092.309.404</b>	<b>225.532.495.010</b>
111	1. Tiền		248.960.314.393	137.014.711.436
112	2. Các khoản tương đương tiền		106.131.995.011	88.517.783.574
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	04	<b>31.197.708.333</b>	<b>14.000.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		31.197.708.333	14.000.000.000
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>88.147.293.102</b>	<b>55.133.325.956</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	14.109.251.897	8.534.380.394
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	69.618.441.196	37.634.176.824
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	5.337.264.203	9.882.432.932
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(917.664.194)	(917.664.194)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	09	<b>87.885.154.385</b>	<b>138.258.831.876</b>
141	1. Hàng tồn kho		91.993.596.570	140.702.169.742
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(4.108.442.185)	(2.443.337.866)
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>7.482.499.614</b>	<b>11.018.752.480</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	170.056.262	170.008.005
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	7.312.443.352	10.848.744.475
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>841.094.981.398</b>	<b>840.222.622.159</b>
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>54.056.502.533</b>	<b>65.357.894.723</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	54.056.502.533	65.357.894.723
222	- Nguyên giá		315.530.495.384	324.661.234.667
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(261.473.992.851)	(259.303.339.944)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	-	-
228	- Nguyên giá		345.068.540	345.068.540
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(345.068.540)	(345.068.540)
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	10	<b>87.498.272.629</b>	<b>68.540.104.361</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		87.498.272.629	68.540.104.361
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	04	<b>692.787.474.097</b>	<b>699.835.347.563</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		640.364.141.348	638.403.472.655
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		16.091.369.631	16.091.369.631
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		45.904.576.742	45.904.576.742
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(9.572.613.624)	(564.071.465)
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>6.752.732.139</b>	<b>6.489.275.512</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	6.752.732.139	6.489.275.512
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.410.899.946.236</b>	<b>1.284.166.027.481</b>



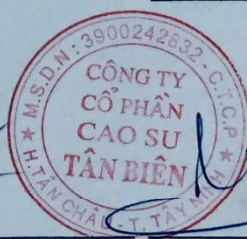
## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>233.029.511.545</b>	<b>131.826.039.383</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>206.579.899.688</b>	<b>103.216.022.447</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	922.579.819	3.597.272.246
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	30.757.492.466	13.740.656.776
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	820.219.754	818.723.835
314	4. Phải trả người lao động		55.180.055.524	70.938.816.365
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	1.404.689.135	3.156.684.326
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	96.442.581.970	3.605.070.709
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	1.338.897.481	1.468.789.091
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		19.713.383.539	5.890.009.099
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>26.449.611.857</b>	<b>28.610.016.936</b>
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20	15.502.644.294	15.399.051.718
343	2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		10.946.967.563	13.210.965.218
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.177.870.434.691</b>	<b>1.152.339.988.098</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>21</b>	<b>1.177.870.434.691</b>	<b>1.152.339.988.098</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		879.450.000.000	879.450.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		879.450.000.000	879.450.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		84.624.956.829	31.036.956.829
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		213.795.477.862	241.853.031.269
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		86.276.255.777	6.843.004.652
421b	LNST chưa phân phối năm nay		127.519.222.085	235.010.026.617
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.410.899.946.236</b>	<b>1.284.166.027.481</b>

Trần Lý Đệ  
Người lập

Lâm Thanh Phú  
Kế toán trưởng



Trương Văn Cư  
Tổng Giám đốc  
Tây Ninh, ngày 10 tháng 01 năm 2019

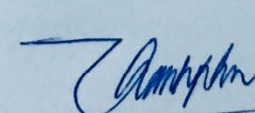


**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**  
Năm 2018

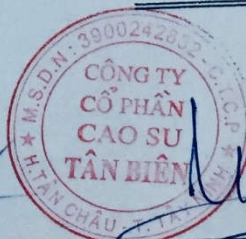
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	440.644.734.946	415.189.038.283
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		440.644.734.946	415.189.038.283
11	4. Giá vốn hàng bán	24	380.107.623.150	308.619.734.826
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		60.537.111.796	106.569.303.457
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	12.787.967.733	6.556.985.351
22	7. Chi phí tài chính	26	9.717.758.333	714.953.680
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		285.535.240	124.265.221
25	8. Chi phí bán hàng	27	5.490.449.524	3.898.687.441
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	21.706.216.375	33.211.047.921
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		36.410.655.297	75.301.599.766
31	11. Thu nhập khác	29	237.521.434.626	201.827.585.650
32	12. Chi phí khác	30	5.761.056.678	1.664.150.509
40	13. Lợi nhuận khác		231.760.377.948	200.163.435.141
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		268.171.033.245	275.465.034.907
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	52.706.811.160	40.455.008.290
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>215.464.222.085</u>	<u>235.010.026.617</u>




Trần Lý Đệ  
Người lập



Lâm Thanh Phú  
Kế toán trưởng



  
Trương Văn Cư  
Tổng Giám đốc  
Tây Ninh, ngày 10 tháng 01 năm 2019

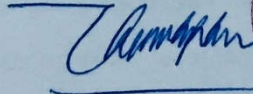
## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2018  
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		455.152.737.630	432.486.573.460
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(245.528.480.979)	(167.124.699.513)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(122.448.964.255)	(157.167.278.060)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(284.416.226)	(112.442.201)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(44.857.101.595)	(35.666.376.734)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		62.486.642.317	52.139.525.527
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(108.628.586.147)	(107.902.078.247)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(4.108.169.255)</b>	<b>16.653.224.232</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(20.627.802.639)	(23.140.859.314)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		224.846.161.633	196.553.085.299
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(17.197.708.333)	(3.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	2.000.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(1.867.477.635)	(79.323.000.000)
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		11.524.224.892	6.748.594.044
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>196.677.397.918</b>	<b>99.837.820.029</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	1. Tiền thu từ đi vay		1.478.162.057	4.181.691.526
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(1.504.461.091)	(818.980.000)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(62.801.872.500)	(35.163.198.000)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(62.828.171.534)</b>	<b>(31.800.486.474)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>129.741.057.129</b>	<b>84.690.557.787</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>		<b>225.532.495.010</b>	<b>140.846.345.536</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(181.242.735)	(4.408.313)
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>		<b>355.092.309.404</b>	<b>225.532.495.010</b>



Trần Lý Đệ  
Người lập



Lâm Thanh Phú  
Kế toán trưởng



Trương Văn Cư  
Tổng Giám đốc

Tây Ninh, ngày 10 tháng 01 năm 2019



# BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN 2018



Số: 280319. 010 /BCTC.HCM

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên được lập ngày 10 tháng 01 năm 2019, từ trang 05 đến trang 41, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2019



**Ngô Minh Quý**  
Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 2434-2018-002-1

**Trần Trung Hiếu**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 2202-2018-002-1

T: (84) 4 3824 1990 | F: (84) 4 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam A member of HLB International



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>617.071.994.899</b>	<b>493.866.826.156</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>04</b>	<b>378.376.762.071</b>	<b>251.645.990.184</b>
111	1. Tiền		272.244.767.060	163.128.206.610
112	2. Các khoản tương đương tiền		106.131.995.011	88.517.783.574
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>05</b>	<b>31.197.708.333</b>	<b>14.000.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		31.197.708.333	14.000.000.000
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>34.929.206.853</b>	<b>35.029.422.626</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	06	18.828.589.928	10.836.014.853
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	07	6.039.076.087	6.155.006.711
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	08	16.245.068.985	21.196.997.200
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(6.183.528.147)	(3.158.596.138)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>010</b>	<b>130.527.344.139</b>	<b>153.738.611.764</b>
141	1. Hàng tồn kho		133.827.533.667	154.799.263.614
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(3.300.189.528)	(1.060.651.850)
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>42.040.973.503</b>	<b>39.452.801.582</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	206.835.683	170.008.005
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		34.177.801.111	28.284.001.115
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	7.656.336.709	10.998.792.462
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>2.245.071.397.996</b>	<b>2.134.799.507.587</b>
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>1.153.071.018.209</b>	<b>747.477.503.556</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	1.151.556.050.730	745.769.980.746
222	- Nguyên giá		1.624.198.626.413	1.168.468.044.586
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(472.642.575.683)	(422.698.063.840)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	1.514.967.479	1.707.522.810
228	- Nguyên giá		2.758.388.905	2.691.365.132
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.243.421.426)	(983.842.322)
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>995.632.184.778</b>	<b>1.293.364.408.976</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	995.632.184.778	1.293.364.408.976
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>05</b>	<b>59.114.021.007</b>	<b>68.138.648.597</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		22.782.057.889	22.798.143.320
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		45.904.576.742	45.904.576.742
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(9.572.613.624)	(564.071.465)
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>37.254.174.002</b>	<b>25.818.946.458</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	31.517.854.857	19.374.502.016
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	32.a	5.736.319.145	6.444.444.442
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>2.862.143.392.895</b>	<b>2.628.666.333.743</b>

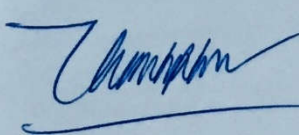
## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>992.832.296.951</b>	<b>802.392.876.979</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>273.125.079.946</b>	<b>263.492.769.109</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	33.027.186.165	36.835.083.646
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	30.757.492.466	20.095.256.776
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	2.057.432.919	950.749.504
314	4. Phải trả người lao động		81.568.231.196	89.210.409.287
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	3.411.469.346	15.782.387.133
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	98.927.434.304	5.230.825.143
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	3.662.450.011	89.498.048.521
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		19.713.383.539	5.890.009.099
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>719.707.217.005</b>	<b>538.900.107.870</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	19	20.896.178.946	20.444.309.585
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20	687.288.151.768	504.968.295.864
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	32.b	575.918.728	276.537.203
343	4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		10.946.967.563	13.210.965.218
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.869.311.095.944</b>	<b>1.826.273.456.764</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>21</b>	<b>1.869.311.095.944</b>	<b>1.826.273.456.764</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		879.450.000.000	879.450.000.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		879.450.000.000	879.450.000.000
416	2. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		49.139.022.270	49.139.022.270
417	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		102.517.597.195	73.969.951.216
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		84.624.956.829	31.664.538.231
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		135.267.230.633	178.629.163.334
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước</i>		18.095.381.347	(54.821.902.500)
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		117.171.849.286	233.451.065.834
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		618.312.289.017	613.420.781.713
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>2.862.143.392.895</b>	<b>2.628.666.333.743</b>



Trần Lý Đệ  
Người lập



Lâm Thanh Phú  
Kế toán trưởng



Trương Văn Cư  
Tổng Giám đốc

Tây Ninh, ngày 10 tháng 01 năm 2019



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Năm 2018

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	553.295.045.322	428.190.269.998
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		553.295.045.322	428.190.269.998
11	4. Giá vốn hàng bán	24	449.509.700.373	288.018.574.618
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		103.785.344.949	140.171.695.380
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	29.492.080.288	16.303.372.572
22	7. Chi phí tài chính	26	52.801.966.097	20.399.284.998
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		27.411.553.659	12.989.580.096
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		711.834.569	(533.537.607)
25	9. Chi phí bán hàng	27	19.975.596.887	10.203.344.896
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	46.901.891.400	49.158.686.555
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		14.309.805.422	76.180.213.896
31	12. Thu nhập khác	29	237.526.160.880	202.278.384.059
32	13. Chi phí khác	30	5.761.158.476	3.015.725.502
40	14. Lợi nhuận khác		231.765.002.404	199.262.658.557
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		246.074.807.826	275.442.872.453
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	52.803.441.433	41.037.799.126
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	32.c	1.007.506.822	(87.317.744)
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>192.263.859.571</u>	<u>234.492.391.071</u>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		205.116.849.286	233.451.065.834
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		(12.852.989.715)	1.041.325.237
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	33	2.332	2.655

*(Handwritten signatures)*



Trần Lý Đệ  
Người lập

Lâm Thanh Phú  
Kế toán trưởng

Trương Văn Cư  
Tổng Giám đốc  
Tây Ninh, ngày 10 tháng 01 năm 2019



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2018  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		246.074.807.826	275.442.872.453
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		56.262.803.315	45.728.427.995
03	- Các khoản dự phòng		14.273.011.846	1.289.515.477
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(4.889.836.578)	(6.021.467.308)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(241.358.785.779)	(202.582.745.407)
06	- Chi phí lãi vay		27.411.553.659	12.989.580.096
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		97.773.554.289	126.846.183.306
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(18.931.075.910)	12.653.026.597
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		20.971.729.947	(87.629.596.514)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải)		39.524.335.764	57.935.903.260
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(12.180.180.519)	(8.827.147.359)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(38.135.214.767)	(924.910.926)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(44.942.128.932)	(36.454.344.828)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(26.603.901.052)	(27.059.201.811)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		17.477.118.820	36.539.911.725
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(143.503.474.147)	(135.264.072.652)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		224.846.161.633	197.214.180.321
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(17.197.708.333)	(1.000.000.000)
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		11.634.293.864	6.836.953.176
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		75.779.273.017	67.787.060.845
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	1. Tiền thu từ đi vay		744.036.699.000	27.275.209.906
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(647.552.441.606)	(9.698.270.804)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(62.801.872.500)	(35.163.198.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		33.682.384.894	(17.586.258.898)

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2018

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		126.938.776.731	86.740.713.672
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		251.645.990.184	164.964.958.245
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(208.004.844)	(59.681.733)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	04	<u>378.376.762.071</u>	<u>251.645.990.184</u>

Trần Lý Đệ  
Người lập

Lâm Thanh Phú  
Kế toán trưởng



Trương Văn Cư  
Tổng Giám đốc

Tây Ninh, ngày 10 tháng 01 năm 2019

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN**

Trụ sở : Tổ 2 - Ấp Thạnh Phú – Tân Hiệp – Tân Châu - Tây Ninh

Điện thoại: 0276. 3875193 – 3875266

Fax: 0276. 3875307

Email: [tabiruco@tabiruco.vn](mailto:tabiruco@tabiruco.vn)

Website: [www.tabiruco.vn](http://www.tabiruco.vn)

